

**Phụ lục số 04****BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL  
NĂM 2024**

**I. Thông tin chung****1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel
- Tên viết tắt: Thép Thủ Đức - Vnsteel
- Tên tiếng anh: Vnsteel - Thuduc steel joint stock company
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305409326
- Vốn điều lệ: 122.253.930.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 122.253.930.000 đồng
- Địa chỉ: Km 9, Đường Võ Nguyên Giáp, Phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP.HCM
- Số điện thoại: 028.38969612
- Số Fax: 028.37310154
- Website: [www.thepthuduc.com.vn](http://www.thepthuduc.com.vn)
- Mã cổ phiếu: TDS

**Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức-Vnsteel có nguồn gốc hình thành từ những năm 1960 với tên ban đầu là **Việt Nam Kim Khí Công ty - VIKIMCO**, do chủ người Việt Nam điều hành và quản lý. Cơ sở vật chất lúc ban đầu rất nghèo nàn chỉ có một phân xưởng cán, sản xuất sản phẩm thép tròn như Ø8, Ø10 với sản lượng khoảng 500-1.000T/năm.

Từ ngày 01/01/1978 VIKIMCO chính thức được đặt dưới sự điều hành và quản lý của Công ty Luyện Kim Đen thuộc Bộ Cơ Khí và Luyện Kim và được đổi tên thành **Nhà máy Quốc doanh Cán thép VIKIMCO**.

Ngày 27/07/1988 Nhà máy Quốc doanh Cán thép VIKIMCO đổi tên thành Nhà máy Thép Thủ Đức.

Giai đoạn 1991 - 1995: Đây là giai đoạn Nhà máy đầu tư để phát triển sản xuất, tổng số tiền đầu tư chiều sâu và đầu tư mở rộng là 90 tỷ đồng. Một số công trình đã được đầu tư xây dựng như:

- Lắp đặt thêm 1 lò luyện thép hồ quang 12 tấn/mẻ.
- Lắp đặt dây chuyền đúc thép liên tục 2 dòng có công suất 70.000 tấn/năm. Đầu tư hai nhà xưởng và các thiết bị tiếp nhân chế biến sắt vụn



- Lắp đặt dây chuyền sản xuất Oxy 150 m<sup>3</sup>/h phục vụ cường hóa trong quá trình nấu luyện, lắp đặt hệ thống xử lý khí thải cho 2 lò luyện thép.

- Lắp đặt trạm cấp điện 12,5 MVA cung cấp điện cho 2 lò luyện thép 66kv/15kv.

- Lắp đặt phân xưởng cán mới công suất 120.000 tấn/năm, với thiết bị công nghệ của Đài Loan. Cải tạo Xưởng cán 2 bằng cách đầu tư thêm 2 cụm giá cán tinh kiểu đứng và kiểu nằm của Simac, dùng động cơ 1 chiều, tự động điều chỉnh, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, cùng với nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, đưa năng suất cán 2 có thể đạt 150.000T/năm

- Lắp đặt các thiết bị để phục vụ cho công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm như: Máy kéo nén, máy phân tích quang phổ v...

Từ năm 1995 Nhà máy đã đưa các công trình trên vào khai thác sử dụng, nâng năng lực sản xuất thép thỏi của Nhà máy lên 50.000 tấn/năm và năng lực sản xuất của 2 phân xưởng cán lên 160.000 tấn/năm. Sản lượng thép cán đạt được trong những năm 1996- 1998 đạt xấp xỉ 100.000 tấn/năm, tăng 10 -15 lần so với những năm đầu.

Giai đoạn 2000 đến nay: Ổn định sản lượng, nâng cao chất lượng, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO-9002/1994 và nay là ISO-9001/2008.

- Lắp đặt lò nung mới hiện đại theo thiết kế của Đài Loan để tự động hóa quá trình nung gồm 01 lò 12T/h Xưởng cán 1 và 1 lò 25T/h Xưởng cán 2. Cải tạo toàn diện các cụm thiết bị cán 1 để tự động hóa thay cho thao tác thủ công, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao.

- Cải tạo trạm nâng cấp trạm cấp điện 12,5 MVA, 66kv/15kv thành trạm 25MVA, 110kv/15 kv. Trang bị máy tiện CNC để gia công rãnh hình trục cán. Lắp thêm dây chuyền sản xuất oxy 350m<sup>3</sup>/h, phục vụ cho luyện thép và kinh doanh oxy. Cải tạo hệ thống hút bụi lò luyện thép, đảm bảo môi trường xanh, sạch.

- Phòng QLCL được trang bị thêm các máy sử dụng chương trình vi tính: Máy thử cơ tính vạn năng 100T, máy phân tích quang phổ. Phòng được cấp chứng chỉ ISO 17025 công nhận phòng thí nghiệm hợp chuẩn.

- Xây dựng bến sà lan 500T phục vụ cho công tác xuất nhập hàng hóa qua đường sông và mở rộng thêm gian chứa thành phẩm thép cán.

- Sản lượng thép thỏi đã đạt sản lượng từ 70.000 - 80.000 tấn/năm.

Từ ngày 01/07/2007 Nhà máy Thép Thủ Đức được đổi tên thành Công ty Thép Thủ Đức trực thuộc Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP.

Từ ngày 01/01/2008 Công ty Thép Thủ Đức chuyển thành Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức.

Từ ngày 15/4/2016 Công ty cổ phần Thép Thủ Đức chuyển thành Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

### **\* Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu thép và sản phẩm thép; nguyên nhiên liệu, thứ phế liệu kim loại cho sản xuất thép; các loại vật tư, thiết bị, phụ tùng cho sản xuất thép, xây dựng, giao thông, cơ khí, công nghiệp.

- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng.

- Sản xuất, kinh doanh oxy, nitơ, argon dạng khí và lỏng; mua bán, lắp đặt hệ thống thiết bị sản xuất và sử dụng khí.

- Kinh doanh khai thác cảng.

- Dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng hóa, dịch vụ cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

- Xây dựng, kinh doanh cao ốc, văn phòng, nhà ở ./.

**\* Địa bàn kinh doanh:**

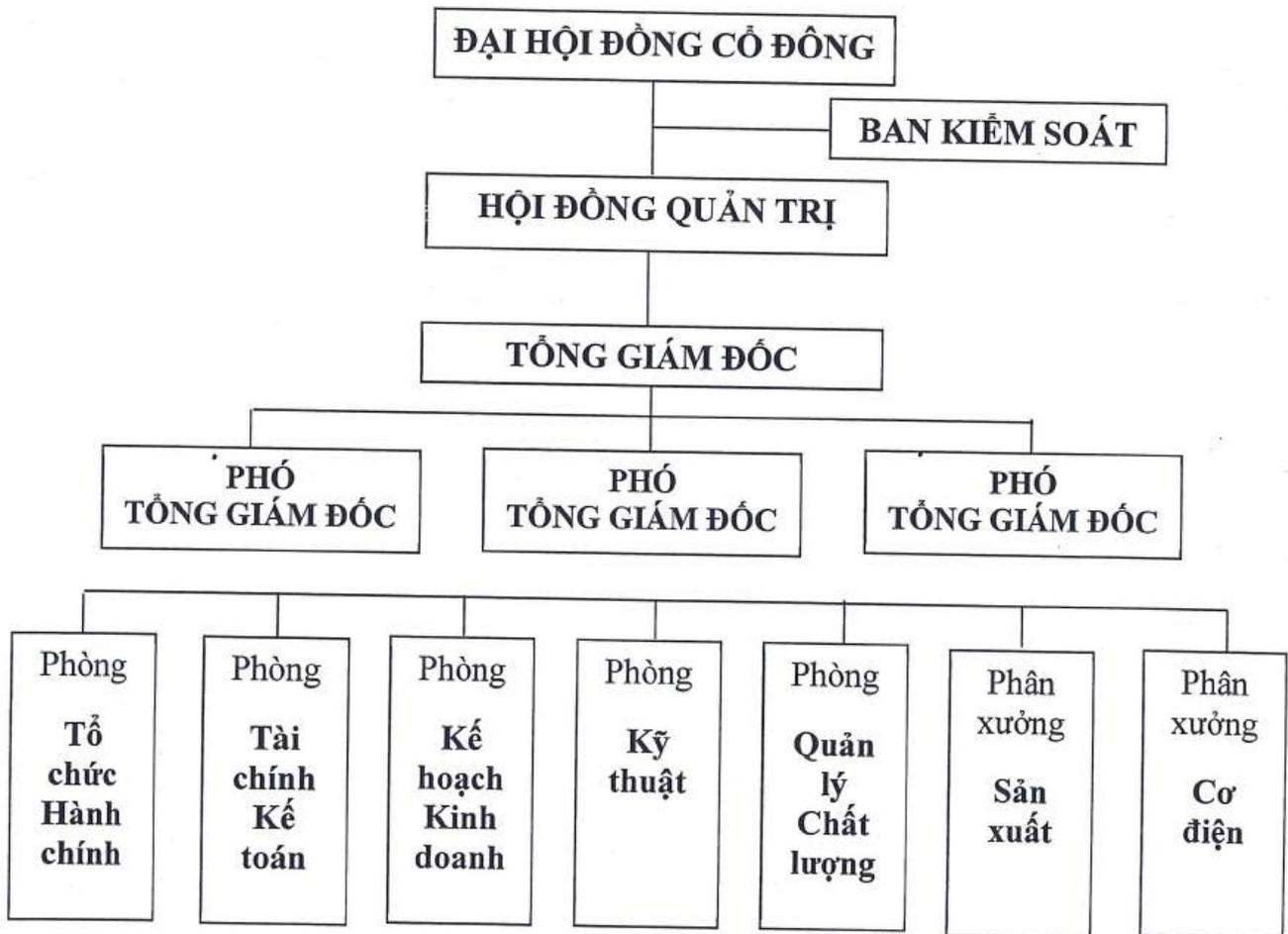
- Sản phẩm thép cán và phôi thép của Công ty được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu ra các nước trong khu vực.

**3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

- **Mô hình quản trị.**

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY**

(Sau khi tái cơ cấu)



**- Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:****Cơ cấu tổ chức của Công ty theo mô hình Công ty Cổ phần, bao gồm:**

- + Đại hội đồng Cổ đông;
- + Hội đồng Quản trị;
- + Ban kiểm soát;
- + Ban Tổng Giám đốc;
- + Các phòng Chuyên môn;
- + Các phân xưởng.

**Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định các vấn đề có liên quan tới phương hướng hoạt động, vốn Điều lệ, kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty, nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những vấn đề khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

**Hội đồng quản trị:**

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên trong đó có 01 thành viên chuyên trách, 02 thành viên điều hành và 02 thành viên không điều hành.

- + Ông Dương Minh Chính - Chủ tịch (chuyên trách)
- + Ông Hoàng Đức Hoa - Thành viên (điều hành)
- + Ông Cao Anh Kiệt - Thành viên (điều hành)
- + Ông Lê Bá Phương - Thành viên (không điều hành)
- + Bà Nguyễn Thị Mai Khanh - Thành viên (không điều hành)

**Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có trách nhiệm kiểm tra báo cáo Tài chính hàng quý, năm, xem xét các báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ và các nhiệm vụ khác thuộc thẩm quyền được quy định trong Điều lệ Công ty.

Ban kiểm soát gồm hiện nay gồm 3 thành viên.

- + Bà Đoàn Hồng Hà - Trưởng ban
- + Ông Nguyễn Quốc Cường - Thành viên
- + Ông Trần Minh Hạnh - Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc:**

**Tổng Giám đốc:** Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự Giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp Tổng giám đốc là các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng ban phân xưởng chức năng.

**Các phó Tổng giám đốc:** Các Phó Tổng giám đốc là người giúp việc Tổng Giám đốc điều hành một lĩnh vực hoặc một số lĩnh vực được Tổng Giám đốc phân công, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và trước pháp luật về lĩnh vực mình được phân công phụ trách.

Ban Tổng Giám đốc hiện nay gồm 1 Tổng Giám đốc và 3 phó Tổng Giám đốc.

+ Ông Hoàng Đức Hoa - Tổng Giám đốc

+ Ông Cao Anh Kiệt - Phó Tổng Giám đốc

+ Ông Hoàng Công Thành - Phó Tổng Giám đốc

+ Ông Vũ Xuân Trường - Phó Tổng Giám đốc

**Kế toán trưởng:** Ông Đặng Công An - Phụ trách phòng Tài chính Kế toán

**Các Phòng Ban, Phân xưởng của Công ty:** Gồm 5 phòng và 2 phân xưởng

+ Phòng Tổ chức Hành chính Ông Mạc Như Nghi: Trưởng phòng

+ Phòng Tài chính Kế toán Ông Đặng Công An: Phụ trách phòng

+ Phòng Kế hoạch Kinh doanh Ông Ngô Minh Trí: Trưởng phòng

+ Phòng Kỹ thuật Ông Huỳnh Văn Ngãi: Trưởng phòng

+ Phòng Quản lý chất lượng Ông Tạ Đình An: Trưởng phòng

+ Phân xưởng sản xuất Ông Nguyễn Đức Tuấn: Quản đốc

+ Phân xưởng cơ điện Ông Nguyễn Văn Thắng: Quản đốc

– **Các công ty con, công ty liên kết:**

Không có Công ty con, không có Công ty liên kết

#### **4. Định hướng phát triển**

##### **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

Hoàn thành tốt các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Đảm bảo việc quản lý và vận hành hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tăng cường công tác nghiên cứu đầu tư cho khoa học công nghệ, nhân lực chất lượng cao nhằm tạo ra sản phẩm ngày càng chất lượng, hiệu quả.

Không ngừng hoàn thiện cơ cấu tổ chức, xây dựng chiến lược, kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trung và dài hạn nhằm đảm bảo nguồn nhân lực chuyên nghiệp, chất lượng cao.

##### **Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel hướng tới mục tiêu trở thành đơn vị sản xuất kinh doanh sản phẩm thép cán thương hiệu Thép /V/ đóng vai trò quan trọng trong hệ thống thành viên của Tổng công ty Thép VN - CTCP, góp phần đảm bảo cung cấp các sản phẩm chất lượng, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Đưa ra chiến lược phù hợp để nâng cao vị thế trên thị trường, đảm bảo cung cấp nguồn sản phẩm chất lượng với mức giá cạnh tranh trên thị trường.

Công ty sẽ đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số để đổi mới, cải tiến trong mọi lĩnh vực hoạt động. Duy trì sản lượng theo kế hoạch, giảm thiểu tối đa các chi phí sản xuất, gia tăng lợi nhuận.

**Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty**

Mục tiêu tiếp tục duy trì và phát huy môi trường “Xanh sạch đẹp” hiện có của Công ty. Tuyên truyền cho toàn thể cán bộ, nhân viên ý thức giữ gìn và bảo vệ môi trường.

Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường, thu gom rác thải tái chế... giám sát chất lượng môi trường theo quy định.

Thường xuyên thực hiện các công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm Quy chế Công ty gây ảnh hưởng đến môi trường.

Thực hiện các công tác giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn tại địa phương như hàng năm đóng góp 2 ngày công và giúp đỡ các đồng bào gặp thiên tai, bão lũ... nâng cao tinh thần của cán bộ, đội ngũ nhân viên về trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

**Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2024: Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024**

+ Kế hoạch sản xuất:

Thép thời: 100.000 tấn

Thép cán: 80.000 tấn

+ Doanh thu: 1.487 tỷ đồng

+ Kế hoạch tiêu thụ:

Thép cán: 80.000 tấn

Phôi thép: 20.000 tấn

+ Lợi nhuận trước thuế: 7,0 tỷ đồng

+ Cổ tức: 4,0% VDL

**5. Các rủi ro:**

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự công bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty thường xuyên theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro kinh tế:**

Kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn thách thức, tăng trưởng thấp; thị trường bất động sản gặp khó đặc biệt tại Trung Quốc.

Trong năm 2024, kinh tế Việt Nam bật tăng trở lại và dần quay trở lại quỹ đạo tăng trưởng. Theo số liệu của Tổng Cục thống kê, năm 2024 tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tính đạt 7,0% so với năm trước. Tuy nhiên Bất động sản chưa phục hồi, đầu tư công thấp ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động xây dựng.

Nghành công nghiệp và xây dựng đối mặt với nhiều khó khăn trong bối cảnh tổng cầu thế giới suy giảm. Ngành thép đối mặt với cung vượt cầu lớn, ngoài ra còn phải đối mặt với giá thép nhập khẩu giá rẻ từ Trung Quốc và Indonesia về Việt Nam.

CTCP Thép Thủ Đức - Vnsteel đang hoạt động trong nền kinh tế chung nên biến động tình hình kinh tế vĩ mô thế giới hoặc kinh tế trong nước đều ảnh hưởng đến Công ty.

Trước những diễn biến của nền kinh tế, Công ty sẽ chủ động chuẩn bị các phương án sản xuất kinh doanh và phương án tài chính, cũng như nguồn lực cần thiết phù hợp để có thể ứng phó theo những kịch bản khác nhau của nền kinh tế. Nâng cao quản trị rủi ro, chủ động theo dõi diễn biến thị trường, tìm kiếm các cơ hội kinh doanh thích hợp để đưa ra các phương án kịp thời, nhằm đảm bảo Công ty đi đúng tiến độ và đạt được mục tiêu mà ĐHĐCĐ đề ra.

### **Rủi ro pháp luật**

Là một công ty hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần, nên hoạt động của TDS chịu tác động của hệ thống pháp luật Việt Nam và các chính sách liên quan, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật thuế, Luật Tài nguyên Môi trường... Ngoài ra, hiện nay TDS là một doanh nghiệp đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, nên hoạt động của Doanh nghiệp cũng phải tuân theo các quy định của Luật chứng khoán. Bên cạnh đó, Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam đã ban hành quyết định số 21/QĐ SGDVN ngày 21/12/2021 về việc thông qua nội dung Quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam. Vì thế, ban lãnh đạo TDS đã phân bổ nhân sự để tìm hiểu và cập nhật các quy định mới nhằm đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt những quy định của pháp luật, đồng thời đưa ra các mục tiêu, kế hoạch phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.

### **Rủi ro lãi suất**

Công ty trong năm qua đã trả các khoản nợ vay ngắn hạn theo lãi suất ngân hàng. Các khoản vay và lãi suất phải trả đã được dự tính trong chi phí sản xuất kinh doanh trong năm. Có thể nói, năm 2024 là năm có rất nhiều biến động khi cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) tăng lãi suất nhằm mong muốn ổn định lượng cung - cầu, hạn chế tối đa lạm phát.

Ban lãnh đạo TDS đã đề ra những phương hướng, lối đi phù hợp nhằm tối đa hóa lợi nhuận mà vẫn đạt được kế hoạch đề ra. Bằng cách luôn chủ động cập nhật, dự báo những ảnh hưởng bất thường của thị trường, đưa ra các dự báo đánh giá xu hướng lãi suất trên thị trường và giám sát chặt chẽ tình hình biến động lãi suất của ngành ngân hàng trong xuyên suốt quá trình hoạt động của Công ty.

### **Rủi ro nguyên vật liệu**

Rủi ro trong sản xuất liên quan đến các nguy cơ tiềm ẩn từ nguyên vật liệu, thiết bị hoặc con người. Điều này có thể ảnh hưởng đến doanh nghiệp, nhân viên, cổ đông, khách hàng, nhà cung cấp và cộng đồng.

Chính vì lý do trên, TDS chủ động tìm kiếm nguồn nguyên vật liệu ổn định, chất lượng với giá cả cạnh tranh từ các nhà cung cấp có uy tín trên thị trường, đảm bảo nguồn cung ứng giúp Công ty hoạt động liên tục, luôn được cung cấp nguyên vật liệu đầy đủ kịp thời phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

**Rủi ro khác**

Bên cạnh rủi ro đặc thù trên, TDS còn chịu các rủi ro bất khả kháng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như: hỏa hoạn, thiên tai, dịch bệnh, rủi ro về hồng hóc, mất mát tài sản trong quá trình vận chuyển hoặc lưu trữ. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng vẫn có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn.

Ban điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty được vận động tích cực chủ động lập kế hoạch phòng chống thiên tai bão lũ, ứng phó dịch bệnh....

Về phía Công ty, luôn chủ động phòng ngừa rủi ro bằng cách mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm cho nhân viên, nâng cao nhận thức của nhân viên để đảm bảo an toàn trong lao động nhằm giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**II. Tình hình hoạt động trong năm 2024**

**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

**1.1 Kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh trong năm:**

**Phôi thép:** Sản xuất 107.468 tấn, đạt 107,5% kế hoạch năm và bằng 118,9% so với cùng kỳ năm 2023.

**Thép cán dài:** Sản xuất 83.074 tấn, đạt 103,8% kế hoạch năm và bằng 100,9% so với cùng kỳ năm 2023.

**Tiêu thụ thép cán:** đạt 86.081 tấn, đạt 107,6% kế hoạch năm và bằng 103,8% so với cùng kỳ năm 2023.

**Tiêu thụ phôi thép:** đạt 36.263 tấn, đạt 181,3% kế hoạch năm và bằng 168,6% so với cùng kỳ năm 2023.

**Chỉ tiêu về lợi nhuận:** LN trước thuế đạt 0,7 tỷ đồng đạt 10,0% kế hoạch năm và bằng 6,4% so cùng kỳ năm 2023.

**Thu nhập:** Thu nhập BQ của CBCNV tăng khoảng 9,2% so với năm 2023.

**1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**

TT	Sản phẩm	Kế hoạch năm 2024	Năm 2024			So với năm 2023	
			Thực hiện	Tỷ lệ % so kế hoạch	Ghi chú	Năm 2023	% so cùng kỳ 2023
1	Sản xuất: (tấn)						
	- Phôi thép	100.000	107.468	107,5		90.380	118,9
	- Thép cán	80.000	83.074	103,8		82.322	100,9
2	Tiêu thụ: (tấn)						
	- Thép cán	80.000	86.081	107,6		82.930	103,8
	- Phôi thép	20.000	36.263	181,3		21.512	168,6
3	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	7,0	0,7	10,0		10,9	6,4
4	Thu nhập BQ (triệu đồng người/tháng)	21,43	19,652	91,7		18,00	109,2
5	Doanh thu (tỷ đồng)	1.487	1.496	100,6		1.396	107,1

Các chỉ tiêu về sản xuất - tiêu thụ năm 2024 đạt 103,8 - 181,3% kế hoạch năm, đạt từ 100,9 - 168,6% so với cùng kỳ năm 2023.

Chỉ tiêu lợi nhuận: Có lãi 0,7 tỷ đồng đạt 10,0% kế hoạch được giao.

Giữ thu nhập ổn định cho người lao động.

Giữ tồn kho nguyên vật liệu, sản phẩm hợp lý nhất để giảm chi phí tài chính. Thu mua kết hợp các nguồn, các loại liệu hợp lý để có giá thành tối ưu.

Đầu năm 2024 thị trường trong nước tiêu thụ chậm, sức mua yếu do nhu cầu thấp vì có tết dương lịch và tết cổ truyền. Tuy nhiên do giá cả vật tư nguyên vật liệu tăng liên tục cho nên các nhà sản xuất đã điều chỉnh tăng giá thép thành phẩm (trong tháng 1 Thép V điều chỉnh tăng 2 lần tuy nhiên lượng thép hấp thụ vào công trình thấp vì nhu cầu thực chưa có). Các nhà sản xuất tìm mọi giải pháp để đẩy mạnh luân chuyển hàng tồn kho nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và điều tiết giảm sản lượng sản xuất. Cạnh tranh mạnh giữa các thương hiệu như VAS, Hòa Phát và đặc biệt là thép nhập khẩu giá rẻ từ Trung Quốc ...

Từ tháng 3 đến cuối Quý 3 thị trường thép rất xấu các nhà sản xuất liên tục giảm giá, Thép V giảm 6 - 7 lần tùy chủng loại. Quý 4 giá thép giữ ổn định và có chiều hướng tăng nhẹ (thép V tăng 2 nhịp trong tháng 10) nhưng công trình dân dụng rất yếu không hấp thụ được sản phẩm.

Giá các loại VTNL cho sản xuất thép như giá thép vụn nội địa, giá gang, giá phôi ... tăng/giảm khó lường (lệnh pha so với thế giới), và không cùng biên độ so với thành phẩm.

Từ những nguyên nhân khách quan trên cho nên các chỉ tiêu về sản xuất - tiêu thụ tăng trưởng, thu nhập người lao động ổn định tuy nhiên về lợi nhuận không đạt so với kế hoạch và so với cùng kỳ giảm.

## **2. Tổ chức và nhân sự lao động**

- Danh sách Ban điều hành:

### **2.1 Ông Hoàng Đức Hoa: Thành viên HĐQT - kiêm Tổng Giám đốc**

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, Cử nhân QTKD

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 2.445.079 Cổ phiếu phổ thông, trong đó cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, cổ phiếu được ủy quyền: 2.445.079 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 20% VDL.

#### ***Quá trình công tác:***

+ Từ 08/2007 đến 06/2008: Kỹ thuật viên Phòng kỹ thuật Công ty Theodore Alexander, KCN Linh Trung II, quận Thủ Đức, TP.HCM

+ Từ 07/2008 đến 11/2013: Kỹ sư bảo trì, PX Luyện thép - Công ty Thép Miền Nam, KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

+ Từ 12/1013 đến 9/2014: Chuyên viên kỹ thuật, Phòng Kỹ thuật, Công ty SX SP Mạ Công Nghiệp Vingal

+ Từ 10/2014 đến 03/2016: Chuyên viên kinh doanh Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam -Vnsteel

+ Từ 04/2016 đến 12/2016: Phó quản đốc PX cán thép Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam -Vnsteel

+ Từ 01/2017 đến 05/2020: Phó trưởng phòng Kinh doanh Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel

- + Từ 06/2020 đến 02/2022: Trưởng phòng Kế hoạch - Vật tư - Kinh doanh Công ty cổ phần Thép VICASA – Vnsteel
- + Từ 03/2022 đến 03/2024: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch - Vật tư - Kinh doanh Công ty cổ phần Thép VICASA – Vnsteel
- + Từ 04/2024 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel

**2.2 Ông Cao Anh Kiệt:** Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 1.833.809 Cổ phiếu phổ thông, trong đó cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, cổ phiếu được ủy quyền: 1.833.809 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 15% VDL

**Quá trình công tác:**

- + Từ 1986 đến 1988: Kỹ thuật viên PX Cơ điện Nhà máy Thép Thủ Đức
- + Từ 1989 đến 1997: Kỹ thuật viên Phòng KT Nhà máy Thép Thủ Đức
- + Từ 1998 đến 2000: Phó Phòng KT Nhà máy Thép Thủ Đức
- + Từ 2001 đến 2007: Quản Đốc PX Cơ điện Công ty Thép Thủ Đức
- + Từ 2008 đến nay: Phó TGD Công ty CP Thép Thủ Đức

**2.3 Ông Hoàng Công Thành:** Phó Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cán kéo kim loại

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 Cổ phiếu phổ thông, trong đó cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, cổ phiếu được ủy quyền: không cổ phiếu

**Quá trình công tác:**

- + Từ 7/1997- 8/2002: Kỹ sư cán Phân xưởng cán Nhà Máy Thép Thủ Đức
- + Từ 8/2002-1/2003: Kỹ thuật viên Phân xưởng cán Nhà Máy Thép Thủ Đức
- + Từ 1/2003-6/2004: Kỹ thuật viên Phòng kỹ thuật Nhà Máy Thép Thủ Đức
- + Từ 6/2004-3/2007: Phó quản đốc Phân xưởng cán Nhà Máy Thép Thủ Đức
- + Từ 3/2007-3/2010: Phó Phòng Kỹ Thuật Công ty CP Thép Thủ Đức
- + Từ 3/2010-4/2010: Phó Quản Đốc Phân xưởng luyện thép Công ty CP Thép Thủ Đức
- + Từ 4/2010-10/2010: Quyền Trưởng phòng Phòng kỹ thuật Công ty CP Thép Thủ Đức
- + Từ 10/2010-7/2016: Trưởng phòng Phòng kỹ thuật Công ty CP Thép Thủ Đức
- + Từ 8/2016 – nay: Phó tổng giám đốc Công ty CP Thép Thủ Đức - Vnsteel



- Các loại hình bảo hiểm như BHXH, BHYT và bảo hiểm con người 24/24 cho toàn thể CBCNV được Công ty thực hiện đầy đủ.

- Chế độ cho CBCNV Công ty tham quan, nghỉ mát đầy đủ.
- Cấp phát cho CBCNV Công ty đồng phục năm 2024.
- Tổ chức khám sức khỏe cho CBCNV Công ty năm 2024.

**Tình hình tai nạn lao động:** Không xảy ra tai nạn lao động nghiêm trọng nào.

**3. Tình hình kỹ thuật, đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

**a. Tiêu hao vật tư chủ yếu**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Định mức	Thực hiện	Tỷ lệ
1	Phế liệu	T/T	1,130	1,139	100,8
2	Điện năng tại lò	Kwh/T	565	556	98,4
3	Điện phụ trợ	Kwh/T	65	57	87,7
4	FeSi	Kg/T	1,0	1,397	139,7
5	SiMn	Kg/T	7,0	7,026	100,4
6	Điện cực	Kg/T	2,0	1,997	99,8
7	Tiêu hao phôi	T/T	1,030	1,028	99,8
8	Tiêu hao điện cán	Kwh/T	115	117	101,7
9	Điện lò nung	Kwh/T	120	120	100,0

**b. Một số công tác khác**

- Căn cứ tình hình sử dụng nguyên nhiên vật liệu, hàng hóa của năm trước, Công ty đã xây dựng và ban hành định mức vật tư, hàng hóa cho năm 2024.
- Đầu năm, Công ty lập kế hoạch bảo trì và sửa chữa thiết bị và xe cơ giới để đảm bảo thiết bị và xe cơ giới được hoạt động tốt và sử dụng có hiệu quả.
- Trong năm Công ty sửa chữa nhà xưởng, máy móc thiết bị, đường nội bộ, hệ thống mương nước ... đáp ứng yêu cầu đặt ra.
- Cấp phát BHLĐ năm 2024 cho cán bộ công nhân viên của Công ty.
- Cử Cán bộ tham gia Hội nghị công tác đầu tư và phổ biến các quy định pháp luật về đầu tư xây dựng, đầu thầu, kiểm kê khí nhà kính do Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP tổ chức.

**c. Sáng kiến, cải tiến kỹ thuật:**

- Trong năm 2024, Công ty tiếp tục phát huy được tính sáng tạo của cán bộ công nhân viên. Hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật đã phát huy và đưa vào thực tế sản xuất góp phần đáng kể trong việc hạ giá thành sản phẩm. Trong năm 2024 có tổng số 28 sáng kiến, cải tiến kỹ thuật được công nhận ước làm lợi 2,1 tỷ đồng với số tiền thưởng là 132.000.000 đồng.

**d. Công tác kỹ thuật và Công nghệ:**

- Thiết bị Lò điện hồ quang EBT, lò tinh luyện LF, máy đúc liên tục MCC hoạt động ổn định, chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn Quốc tế .... Trong năm không bị hư hỏng nặng gì.

- Thiết bị dây chuyền cán thép được đầu tư nâng cấp hoạt động ổn định, sản phẩm đạt tiêu chuẩn Quốc tế như ASTM (mỹ); JIS (nhật); TCVN .... Trong năm không bị hư hỏng nặng gì.

- Thiết bị phụ trợ như máy phân tích quang phổ, máy kiểm tra cơ tính, máy phay rãnh vằn, máy tiện CNC .... hoạt động ổn định và hiệu quả cao.

**e. Các khoản đầu tư lớn: không phát sinh**

**f. Các Công ty con và Công ty liên kết:**

Không có Công ty con và Công ty liên kết.

**4. Tình hình tài chính:**

**a. Tình hình tài chính:**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	423.424	363.445	- 14,16 %
Doanh thu thuần	1.396.309	1.496.582	7,18 %
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.238	(2.985)	-132,31 %
Lợi nhuận khác	1.672	3.772	125,59 %
Lợi nhuận trước thuế	10.910	787	-92,78 %
Lợi nhuận sau thuế	8.608	520	-93,96 %
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	5,75 %	0,37 %	-93,56 %

**b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu khả năng thanh toán:</b>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	5,67	3,58	
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,41	2,09	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	29,21	41,48	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	41,26	70,89	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
+ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	6,43	9,32	
+ Vòng quay tổng tài sản	Lần	3,52	3,80	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,62	0,04	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	2,87	0,25	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,03	0,14	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,66	- 0,20	

**3. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

**a. Cổ phần:**

Tổng số cổ phần đang lưu hành là: 12.225.393 cổ phần

Trong đó:

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là: 12.225.393 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng là: không

**b. Cơ cấu cổ đông:**

Cơ cấu cổ đông như sau:

➤ **Cổ đông trong nước:**

+ Cổ đông nhà nước	7.946.505 CP	tỷ lệ: 65,0%
+ Cổ đông tổ chức	1.532.195 CP	tỷ lệ: 12,53 %
+ Cổ đông cá nhân	2.946.093 CP	tỷ lệ: 24,1%

➤ **Cổ đông nước ngoài:**

**c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Trong năm 2024 Công ty không có tăng vốn điều lệ.

**d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

Trong năm 2024 Công ty không có cổ phiếu quỹ.

**e. Các chứng khoán khác:**

Trong năm 2024 Công ty không có chứng khoán khác

**4. Báo cáo tác động đến môi trường:**

Trong năm 2024, Công ty tiếp tục triển khai thực hiện công tác an toàn vệ sinh lao động môi trường như sau:

- Công ty luôn chú trọng và thường xuyên tổ chức triển khai kiểm tra công tác an toàn vệ sinh lao động, PCCC, môi trường, chất lượng sản phẩm hàng hóa tại các phân xưởng sản xuất ở 03 cấp (cấp tổ sản xuất, cấp Phân xưởng và Phòng Kỹ thuật).

- Công ty thực hiện nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường như: ký hợp đồng với Công ty thu gom chất thải nguy hại, Công ty xử lý chất thải rắn, Công ty xử lý bụi lò, xử lý xỉ vảy cán ....

- Công ty đã xây dựng phương án PCCC & CHCN và tổ chức lớp học nghiệp vụ PCCC & CHCN cho CBCNV năm 2024. Trong năm không có trường hợp cháy nổ xảy ra. Công tác PCCC & CHCN được đơn vị công an kiểm tra hướng dẫn định kỳ.

- Công ty thực hiện kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn định kỳ năm 2024.

- Về điều kiện làm việc: Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

- Để Công ty phát triển bền vững, trong những năm qua Công ty luôn thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, trồng nhiều cây xanh, duy trì tốt nhà máy công viên.

- Công tác xử lý khí thải, nước thải đạt QCVN (Quy chuẩn Việt Nam) về môi trường. Công tác quản lý chất thải rắn được thực hiện nghiêm túc và có ký hợp đồng với đối tác có chức năng xử lý chất thải rắn theo đúng quy định.

**7. Công tác đảng, đoàn thể và xã hội từ thiện:**

- Thực hiện rà soát bổ sung quy hoạch cấp ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025; rà soát bổ sung quy hoạch cấp ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Công đoàn Công ty phối hợp với chính quyền tổ chức Hội nghị Người lao động 2024, trong đó đã tổng kết thực hiện nhiệm vụ năm 2024, đề ra phương hướng, nhiệm vụ năm 2025.

- Về việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc: Công đoàn Công ty phối hợp với Chuyên môn tổ chức Hội nghị đối thoại giữa Người sử dụng lao động và Người lao động. Chế độ của người lao động đã được đại diện người sử dụng lao động giải đáp thỏa đáng, người lao động đã yên tâm làm việc

- Tổ chức thành công Đại hội Chi Đoàn nhiệm kỳ 2024 - 2027, Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 2025 - 2027.

- Công đoàn phối hợp với chuyên môn tổ chức tặng quà, trợ cấp những lao động có hoàn cảnh khó khăn trong dịp Tết Nguyên Đán 2024.

- Xây nhà cho gia đình có hoàn cảnh khó khăn đóng trên địa bàn Phường.

- Nhân dịp ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, 20/10 Công đoàn phối hợp chuyên môn tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho toàn bộ số lao động nữ tại Công ty.

- Nhân dịp Tháng Công nhân 2024: Kết hợp với việc hỗ trợ của Công đoàn Tổng công ty cho đơn vị, Công đoàn công ty đã chỉ đạo các công đoàn bộ phận tổ chức phục vụ nước mát giải khát, nấu chè phục vụ cho người lao động.

- Công đoàn Công ty tổ chức khen thưởng con CBCNV Công ty có con học sinh giỏi các cấp năm học 2023 - 2024.

- Tổ chức tặng bánh Trung thu cho CBCNV Công ty mức 1.000.000 đồng/người.

- Mừng sinh nhật cho CBCNV với mức 500.000 đồng/người.

- Cử CBCNV tham gia lớp tập huấn về nghiệp vụ công tác Công đoàn, công tác Đảng năm 2024.

### 8. Một số công tác khác

Không.

## III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

#### 1.1. Khó khăn

Năm 2024 gặp rất nhiều khó khăn. Chiến tranh thương mại căng thẳng, chiến tranh quân sự Nga – Ucraina phức tạp, xung đột Trung đông lan rộng, kinh tế thế giới và trong nước gặp khó khăn; ngoài tình hình chung như trên thì trường thép trong nước năm 2024 cũng gặp nhiều khó khăn do cung vượt cầu, cạnh tranh mạch trong nước và hàng nhập khẩu giá rẻ từ Trung Quốc.

Giá cả các loại VTNVL cho sản xuất thép tăng/giảm rất khó lường.

Bất động sản đóng băng, Đầu tư công thấp.

Sự cạnh tranh quyết liệt về giá bán thành phẩm làm cho giá bán thép thành phẩm của Công ty cũng không được ổn định nên đã có những ảnh hưởng nhất định đến tình hình kinh doanh của Công ty.

#### 1.2. Thuận lợi

Bên cạnh những khó khăn thì cũng có những mặt thuận lợi như bộ máy tổ chức của Công ty đã ngày càng được củng cố và kiện toàn, CBCNV Công ty có truyền thống đoàn kết khắc phục khó khăn để thực hiện tốt nhiệm vụ. Việc phát huy tốt các hạng mục đầu tư cùng với trình độ tay nghề của đội ngũ được phát huy tốt đã tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao được thị trường tin dùng, uy tín của sản phẩm được nâng cao. Đồng thời, đã giảm được chi phí sản xuất giúp tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường tiêu thụ thép.

Ngoài ra Công ty luôn nhận được sự chỉ đạo và giúp đỡ kịp thời về nhiều mặt của HĐQT, Tổng Giám đốc cũng như hỗ trợ các Phòng, Ban của Tổng Công ty Thép Việt Nam.

Kết quả SXKD năm 2024 Công ty đạt lợi nhuận trước thuế 0,7 tỷ đồng.

### 2. Tình hình tài chính:

#### 2.1. Tình hình tài sản

Về tổng tài sản đến cuối năm 2024 là 363 tỷ đồng giảm so với đầu năm giảm 60 tỷ (tương đương giảm 14,17 %):

Tiền và tương đương tiền giảm 81 tỷ (giảm 66,53%), trong năm Công ty đã chi trả cổ tức cho các cổ đông theo Nghị quyết số 178/NQ-ĐHCD ngày 15/04/2024 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 là 85 tỷ.

Khoản phải thu ngắn hạn cuối năm 162 tỷ tăng so với đầu năm 40 tỷ (tăng 32,81%) trong đó nợ luân chuyển 161 tỷ: Cty TNHH MTV Thép Miền Nam – VNSTEEL (108,5 tỷ), Cty CP Thép Nhà Bè – Vnsteel (6,3 tỷ), Chip Mong Group Co,Ltd (46,3 tỷ).

## 2.2. Tình hình nợ phải trả

Nợ ngắn hạn cuối năm 2024 tăng 27 tỷ so với đầu năm (tăng 37,28%).

Nợ dài hạn 51 tỷ trong đó: 50 tỷ là hợp tác đầu tư phát triển dự án số 1064/TT-VKC ngày 29 tháng 9 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức – VNSTEEL và Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C (REFICO), hai bên thoả thuận xây dựng khu phức hợp thương mại, dịch vụ, văn phòng, chung cư và nhà biệt thự với diện tích xây dựng dự kiến là 6,3 ha tại Km9, Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Tiền ký quỹ vỏ chai Ôxy của khách hàng là 1 tỷ.

Vốn chủ sở hữu cuối năm giảm 87 tỷ so với đầu năm (giảm 29,04%), trong năm Công ty đã chi trả cổ tức 85 tỷ bằng tiền mặt, trích quỹ khen thưởng và phúc lợi 2 tỷ (Theo Nghị quyết ĐHD cổ đông năm 2024).

Trong năm 2024 Công ty đã chi trả cổ tức cho các cổ đông đúng hạn.

Về đóng góp ngân sách, trong năm 2024 Công ty đã nộp vào ngân sách Nhà nước là 22,5 tỷ đồng.

Công ty có tình hình tài chính lành mạnh, khả năng thanh toán tốt. Nguồn vốn vay lưu động được kiểm soát chặt chẽ đảm bảo đạt hiệu quả nhất.

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty đã chủ động cung ứng đủ, kịp thời số lượng các loại vật tư, nguyên liệu, phụ tùng cho sản xuất và sửa chữa thiết bị trong năm. Các nguồn cung cấp dần đi vào ổn định cả về chất lượng và giá cả.

Bố trí hợp lý mặt bằng và kho bãi, tạo điều kiện thuận lợi để bảo quản tốt vật tư hàng hóa ở từng đơn vị. Vì vậy có đủ điều kiện để chế biến nguyên liệu cho sản xuất thép và đảm bảo lượng tồn kho cho nhu cầu tiêu thụ Công ty.

Sử dụng 100% nguyên liệu thép trong nước (phế liệu, gang, fero ...), hỗ trợ sử dụng sản phẩm của các đơn vị trong hệ thống.

Ngoài ra, Công ty cũng đã đáp ứng tốt yêu cầu vật tư đột xuất để phục vụ cho việc sửa chữa, khắc phục các sự cố để đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty luôn ổn định.

Thực hiện tốt các quy định về công tác quản lý, nhập xuất vật tư, thành phẩm. Sắp xếp các vật tư nguyên liệu trong kho và bảo quản kho.

## 4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

+ Sản xuất phôi thép	: 100.000 tấn
+ Sản xuất thép cán	: 80.000 tấn
+ Tiêu thụ thép cán	: 80.000 tấn
+ Tiêu thụ phôi thép	: 20.000 tấn
+ Doanh thu	: 1.487 tỷ đồng
+ Lợi nhuận trước thuế	: 7,0 tỷ đồng

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** không có do BCTC kiểm toán năm 2024 là BCTC chấp thuận toàn phần

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.**

**a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)**

Ban lãnh đạo công ty luôn hướng đến các vấn đề môi trường trong các hoạt động sản xuất kinh doanh cùng với đó là đưa ra những biện pháp thiết thực về công tác bảo vệ môi trường tại phân xưởng sản xuất, nơi làm việc và môi trường xung quanh.

Không ngừng nghiên cứu phát triển nguồn năng lượng xanh nhằm giảm thiểu tác động xấu ảnh hưởng đến môi trường. Xây dựng thói quen tiết kiệm điện trong từng lối suy nghĩ của cán bộ nhân viên Công ty.

**b. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của Doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương**

TDS tổ chức và hưởng ứng nhiều hoạt động xã hội có ý nghĩa đối với cộng đồng tại địa phương nhằm kết nối những tấm lòng tương thân tương trợ, tham gia chương trình hiến máu nhân đạo do công đoàn Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP tổ chức và UBND TP.HCM tổ chức. Tổ chức trồng cây xanh.

Trong năm 2024, TDS đã tiến hành nâng cao lao động thông qua các lớp tập huấn, đào tạo chuyên môn giúp các cá nhân người lao động có thể nâng cao ý thức, chất lượng làm việc, khai thác tiềm năng của từng cá nhân từ đó phân bổ nguồn lực hợp lý.

Công ty đóng đầy đủ các khoản BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Các chế độ BHXH (ốm đau, thai sản, hưu trí...) của người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ, kịp thời, theo quy định với cơ quan bảo hiểm.

Công ty cuối hàng năm đều tổ chức họp mặt cán bộ hưu trí từng làm việc gắn bó với Công ty.

**IV. Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

Trong năm qua Tổng giám đốc điều hành đã triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2024 và các Nghị quyết họp từng quý của HĐQT.

Đội ngũ cán bộ quản lý đoàn kết, năng động, có năng lực tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng được nhu cầu của sản xuất kinh doanh không để xảy ra các sai phạm về công tác quản lý tài chính, các vị trí nhạy cảm đều được quan tâm kiểm soát, huy động tốt nguồn lực đầy mạnh sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Cán bộ quản lý tận tụy với công việc, gương mẫu, trung thực thực hiện nhiệm vụ.

Công ty đã chủ động tái cơ cấu (tiết giảm lao động, tiết giảm sản xuất ...), cơ cấu lại phân xưởng nhằm tăng cường chỉ đạo trong công tác sản xuất phôi thép và thép cán đáp ứng yêu cầu ...

Nắm bắt thông tin thị trường, linh hoạt thay đổi cơ cấu sản phẩm thép cán nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu người tiêu dùng.

Chất lượng sản phẩm được kiểm tra trước khi đưa ra thị trường. Tiếp thu nghiêm túc và giải quyết các thông tin phản hồi từ khách hàng, nhằm thỏa mãn nhu cầu thị trường.

**V. Quản trị công ty:**

**1. Hội đồng quản trị**

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách Hội đồng quản trị sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết như sau:

STT	Tên cổ đông	Số CP sở hữu	Tỷ lệ	Ghi chú
01	Dương Minh Chính	2.445.079	20,0	Thành viên Chuyên trách
02	Hoàng Đức Hoa	2.445.079	20,0	Thành viên điều hành
03	Cao Anh Kiệt	1.833.809	15,0	Thành viên điều hành
04	Nguyễn Thị Mai Khanh	1.222.539	10,0	Thành viên không điều hành
05	Lê Bá Phương	857.674	7,015	Thành viên không điều hành

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm Hội đồng quản trị họp theo quý/lần, nội dung cụ thể, đã thể hiện được việc kiểm soát đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Xác định các mục tiêu, thảo luận và biểu quyết các vấn đề lớn về đầu tư, phát triển và định hướng sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trưởng Ban Kiểm soát được mời dự các cuộc họp của họp Hội đồng quản trị báo cáo kết quả kiểm soát, đã thể hiện được trách nhiệm của Ban kiểm soát đối với hoạt động của Công ty, khuyến cáo những vấn đề cần lưu tâm trong hoạt động của đơn vị.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cuộc họp	Số lần tham dự
01	Dương Minh Chính	Chủ tịch.HĐQT	5	5
02	Hoàng Đức Hoa	Ủy viên HĐQT	4	4
03	Cao Anh Kiệt	Ủy viên HĐQT	5	5
04	Nguyễn Thị Mai Khanh	Ủy viên HĐQT	5	5
05	Lê Bá Phương	Ủy viên HĐQT	5	5

Qua các cuộc họp trên, Hội đồng quản trị đã ra các Nghị quyết trong năm như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01B/NQ-VKC	02/01/2024	Phê duyệt bán hàng trả chậm (tín chấp) cho Tập đoàn Chipmong	100%
2	58/NQ-VKC	23/02/2024	Về đánh giá kết quả công tác quý 4 và năm 2023; kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm quý 1 và năm 2024	100%
3	61/NQ-VKC	26/02/2024	Chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	100%
4	72/NQ-VKC	27/02/2024	Thông qua việc ký việc ký kết hợp đồng giao dịch giữa Công ty và các tổ chức là người có liên quan của Tổng Công ty với Tổng giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% Tổng tài sản.	100%
5	180/NQ-VKC	15/04/2024	Về việc phê duyệt bổ nhiệm và miễn nhiệm Tổng Giám đốc Công ty	100%
6	181/QĐ-VKC	15/04/2024	Quyết định về việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc	100%
7	261B/NQ-VKC	22/05/2024	Về đánh giá kết quả công tác quý 1 năm 2024, kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm quý 2 năm 2024	100%
8	1211/NQ-VKC	07/08/2024	Về đánh giá kết quả công tác Quý 2 và 6 tháng đầu năm, kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm Quý 3 và 6 tháng cuối năm 2024	100%
9	1356/NQ-VKC	22/10/2024	Về đánh giá kết quả công tác Quý 3 và 9 tháng đầu năm, kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm Quý 4 năm 2024	100%
10	1357/NQ-VKC	22/10/2024	Về việc phê duyệt bán hàng trả chậm (tín chấp) cho tập đoàn Chipmong	100%

c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

Hội đồng quản trị có 03 thành viên không trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Không có một số hoặc một nhóm thiểu số thành viên nào có ảnh hưởng chi phối các quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

Danh sách 03 thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành Công ty như sau:

- + Ông Dương Minh Chính                      Chủ tịch HĐQT
- + Ông Lê Bá Phương                            Thành viên HĐQT
- + Bà Nguyễn Thị Mai Khanh                Thành viên HĐQT

d) Danh sách thành viên Hội đồng quản trị tham gia điều hành Công ty trong năm 2024 như sau:

- + Ông Hoàng Đức Hoa                        Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- + Ông Cao Anh Kiệt                            Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

**2. Ban Kiểm soát**

- Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Tên cổ đông	Số CP sở hữu	Tỷ lệ	Ghi chú
01	Đoàn Hồng Hà	0		Trưởng ban
02	Nguyễn Quốc Cường	0		ùy viên
03	Trần Minh Hạnh	0		ùy viên

- Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm Trưởng ban kiểm soát đã tham gia các cuộc họp của HĐQT, đồng thời BKS đã tổ chức 4 cuộc họp để lên kế hoạch công tác, thực hiện chức năng giám sát, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và trình các kiến nghị đối với HĐQT, Ban tổng Giám đốc để nâng cao hiệu quả của Công ty

- Các hoạt động chính của Ban kiểm soát gồm có:

+ Xem xét đánh giá hoạt động của HĐQT liên quan đến việc thực hiện kế hoạch hàng tháng, quý, năm.

+ Xem xét đánh giá tình hình hoạt động SXKD của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro, đề xuất những kiến nghị và giải pháp thích hợp cho Ban điều hành.

+ Xem xét đánh giá tình hình thực hiện công tác đầu tư, sửa chữa lớn trong năm.

+ Kiểm tra soát xét báo cáo quý, 6 tháng, năm nhằm đánh giá tính hợp lý vv..

**e) Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:**

- Lương, thưởng, thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty  
Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập	Thù lao	Cộng
01	Dương Minh Chính	Chủ tịch HĐQT	725.680	-	725.680
02	Hoàng Đức Hoa	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	346.100	-	346.100
03	Cao Anh Kiệt	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	560.020	-	560.020
04	Nguyễn Thị Mai Khanh	Thành viên HĐQT	-	48.000	48.000
05	Lê Bá Phương	Thành viên HĐQT	-	48.000	48.000
06	Hoàng Công Thành	Phó Tổng Giám Đốc	563.420	-	563.420
07	Vũ Xuân Trường	Phó Tổng Giám Đốc	592.220	-	592.220
08	Đoàn Hồng Hà	Trưởng ban kiểm soát	344.460	48.000	392.460
09	Nguyễn Quốc Cường	Thành viên BKS	318.490	36.000	354.490
10	Trần Minh Hạnh	Thành viên BKS	-	36.000	36.000
11	Đặng Công An	Phụ trách Kế toán	105.345	-	105.345
	<b>Tổng cộng</b>		<b>3.555.735</b>	<b>216.000</b>	<b>3.771.735</b>

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:  
(có bảng đính kèm)
- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:  
(có bảng đính kèm)

**VI. Báo cáo Tài chính: (xem báo cáo kiểm toán đính kèm)**

1. Ý kiến kiểm toán (xem thư của kiểm toán đính kèm).
2. Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (đính kèm Báo cáo kiểm toán năm 2024).
  - Kiểm toán viên: **Phạm Văn Sang** (Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 1364-2025-002-1) đã ký.
  - Giám Đốc: **Trần Trung Hiếu** (Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 2022-2023-002-1) đã ký.

Toàn văn Báo cáo Kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2024 của Công ty được lưu trên Website: [www.thepthuduc.com.vn](http://www.thepthuduc.com.vn) tại địa chỉ Quan hệ cổ đông và được công bố thông tin cho Ủy ban chứng khoán nhà nước và sở giao dịch chứng khoán theo quy định.

Trên đây là toàn bộ báo cáo thường niên năm 2024 của Công ty Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel.

Mã chứng khoán: TDS

TP.HCM, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Thay mặt Ban điều hành Công ty  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Hoàng Đức Hoa**



STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (không bao gồm thuế GTGT)			Ghi chú
							Nội dung giao dịch	Số lượng giao dịch (kg)	Tổng giá trị giao dịch	
1	Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	Công ty mẹ (tỷ lệ sở hữu 65%)	0100100047-18/05/23_Sở KH&ĐT Hà Nội	Số 91 Láng Hạ Đống Đa Hà Nội	2024	NQ ĐHCĐ 2024 - 15/04/2024	Chia cổ tức 2023		55.625.570.000	
2	Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	3502269994-10/12/14_Sở KH&ĐT tỉnh BR-VT	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, Thị Xã Phú Mỹ. Tỉnh BR-VT	2024	72/NQ-VKC - 27/02/2024	Bán thép	61.784.238	876.082.071.732	
	Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	3502269994-10/12/14_Sở KH&ĐT tỉnh BR-VT	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, Thị Xã Phú Mỹ. Tỉnh BR-VT	2024	72/NQ-VKC - 27/02/2024	Mua nguyên vật liệu	33.010	950.311.400	
	Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	3502269994-10/12/14_Sở KH&ĐT tỉnh BR-VT	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, Thị Xã Phú Mỹ. Tỉnh BR-VT	2024	72/NQ-VKC - 27/02/2024	Phí thương hiệu		4.741.940.268	
	Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	3502269994-10/12/14_Sở KH&ĐT tỉnh BR-VT	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, Thị Xã Phú Mỹ. Tỉnh BR-VT	2024	72/NQ-VKC - 27/02/2024	Phí xếp dỡ (Cảng Thủ Đức)		8.987.521	
	Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	3502269994-10/12/14_Sở KH&ĐT tỉnh BR-VT	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, Thị Xã Phú Mỹ. Tỉnh BR-VT	2024	72/NQ-VKC - 27/02/2024	Phí xếp dỡ		202.059.751	

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCB/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (không bao gồm thuế GTGT)			Ghi chú
							Nội dung giao dịch	Số lượng giao dịch (kg)	Tổng giá trị giao dịch	
	Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	3502269994-10/12/14_Sở KH&ĐT tỉnh BR-VT	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, Thị Xã Phú Mỹ. Tỉnh BR-VT	2024	72/NQ-VKC - 27/02/2024	Lãi chậm trả		16.658.236	
	Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	3502269994-10/12/14_Sở KH&ĐT tỉnh BR-VT	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, Thị Xã Phú Mỹ. Tỉnh BR-VT	2024	72/NQ-VKC - 27/02/2024	Phí trả trước hạn		9.397.474	
3	Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	0305393838-25/12/07_Sở KH&ĐT TP.HCM	Tầng 4, Tòa Nhà Văn Phòng Đại Diện Tại Thành phố Hồ Chí Minh Tổng Công Ty Thép Việt Nam - CTCP- 56 Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	2024	72/NQ-VKC - 27/02/2024	Bán phôi thép và vật tư khác	14.775.740	185.037.854.950	
	Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	0305393838-25/12/07_Sở KH&ĐT TP.HCM	Tầng 4, Tòa Nhà Văn Phòng Đại Diện Tại Thành phố Hồ Chí Minh Tổng Công Ty Thép Việt Nam - CTCP- 56 Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	2024	72/NQ-VKC - 27/02/2024	Phí xếp dỡ		46.396.945	
	Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	0305393838-25/12/07_Sở KH&ĐT TP.HCM	Tầng 4, Tòa Nhà Văn Phòng Đại Diện Tại Thành phố Hồ Chí Minh Tổng Công Ty Thép Việt Nam - CTCP- 56 Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	2024	72/NQ-VKC - 27/02/2024	Lãi chậm trả		42.312.526	
4	Công ty TNHH Thép Vina Kyoei	Công ty liên kết của Công ty mẹ	3500106761-28/01/94_Sở KH&ĐT tỉnh BR-VT	Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	2024	72/NQ-VKC - 27/02/2024	Bán phôi thép	10.911.960	138.482.194.000	

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCB/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (không bao gồm thuế GTGT)			Ghi chú
							Nội dung giao dịch	Số lượng giao dịch (kg)	Tổng giá trị giao dịch	
5	Công ty Cổ phần Thép Vicasa - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	3600961762-25/12/07_Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai	Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai,	2024	72/NQ-VKC - 27/02/2024	Phí xếp dỡ		220.977.568	
	Công ty Cổ phần Thép Vicasa - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	3600961762-25/12/07_Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai	Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai,	2024	72/NQ-VKC - 27/02/2024	Mua vật tư		5.388.348	
	Công ty Cổ phần Thép Vicasa - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	3600961762-25/12/07_Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai	Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai,	2024	72/NQ-VKC - 27/02/2024	Phí xếp dỡ		83.982.228	
6	Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	Công ty liên kết của Công ty mẹ	3600869728-09/01/07_Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai	Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	2024	72/NQ-VKC - 27/02/2024	Mua nguyên vật liệu, chi phí khác		700.880.000	
7	Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	Công ty liên kết của Công ty mẹ	0303357746-28/06/07_Sở KH&ĐT TP.HCM	117 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	2024	72/NQ-VKC - 27/02/2024	Mua nguyên vật liệu	2.436	50.215.594	
8	Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	0300399360-27/12/05_Sở KH&ĐT TP.HCM	193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	2024	72/NQ-VKC - 27/02/2024	Ban phôi thép	1.011.870	12.850.749.000	

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCB/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (không bao gồm thuế GTGT)			Ghi chú
							Nội dung giao dịch	Số lượng giao dịch (kg)	Tổng giá trị giao dịch	
	Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	0300399360-27/12/05_Sở KH&ĐT TP.HCM	193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	2024	72/NQ-VKC - 27/02/224	Mua phôi thép	1.000.390	12.104.719.000	
	Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	0300399360-27/12/05_Sở KH&ĐT TP.HCM	193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	2024	72/NQ-VKC - 27/02/2024	Mua nguyên vật liệu	24.201	366.908.458	
9	Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	Cùng Công ty mẹ		16 Thái Phiên, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	2024	72/NQ-VKC - 27/02/2024	Ban phôi thép	6.204.250	79.150.076.000	
10	Công ty TNHH Nippovina	Công ty liên kết của Công ty mẹ	0300828997-19/05/09_Sở KH&ĐT TP.HCM	Số 136A, Đường Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	2024	72/NQ-VKC - 27/02/2024	Mua nguyên vật liệu	2.852.654	24.452.477.250	
11	Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	0100107317-12/08/10_Sở KH&ĐT Hà Nội	Số 15 Bis Lý Nam Đế, Phường Hàng Mã, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	2024	72/NQ-VKC - 27/02/2024	Thuê vận chuyển		2.320.076.105	

Stt	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	Dương Minh Chính		Chủ tịch Hội đồng Quản trị	001067017963-02/04/21_Cục CSQL hành chính về trật tự xã hội	5, Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Q1, TP.HCM	0	0,00%	
1.1	Vũ Hồng Điệp	002C085624		031184014205	CH T3.14-04, tòa Brilliant, KDC Đảo kim cương, P.Bình trung tây, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM	0	0,00%	Vợ
1.2	Dương Vũ Khánh Linh			Không có	CH T3.14-04, tòa Brilliant, KDC Đảo kim cương, P.Bình trung tây, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM	0	0,00%	Con
1.3	Dương Minh Trọng			049036000071	CH H.21-01, tòa Brilliant, KDC Đảo kim cương, P.Bình trung tây, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM	0	0,00%	Cha ruột
1.4	Trung Thị Thân			001143004581	CH H.21-01, tòa Brilliant, KDC Đảo kim cương, P.Bình trung tây, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM	0	0,00%	Mẹ ruột
1.5	Dương Trung Toàn	003C306106		019069000056	CH H.15-01, tòa Brilliant, KDC Đảo kim cương, P.Bình trung tây, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM	0	0,00%	Em ruột
1.6	Dương Thị Hồng Vân	003C036672		019172009326	CH H.21-01, tòa Brilliant, KDC Đảo kim cương, P.Bình trung tây, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM	0	0,00%	Em ruột
1.7	Dương Thị Hồng Thủy	058C656525		019174000468	CH MA.10-07, tòa Brilliant, KDC Đảo kim cương, P.Bình trung tây, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM	0	0,00%	Em ruột
1.8	Đỗ Thị Quế Nga	058C616999		001173023799	CH H.15-01, tòa Brilliant, KDC Đảo kim cương, P.Bình trung tây, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM	0	0,00%	Em dâu
1.9	Lý Phước Long			087073015804	CH MA.10-07, tòa Brilliant, KDC Đảo kim cương, P.Bình trung tây, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM	0	0,00%	Em rể

Stt	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1.10	Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP			0100100047	91 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	7.946.510	65,00%	Ông Dương Minh Chính làm Đại diện vốn
2	Nguyễn Xuân Tiến		Nguyên là thành Viên HĐQT/ Người Đại Diện Pháp luật/ Tổng Giám đốc	045063000105	Nhà C25, số 27, đường số 3, P.Hiệp Bình Phước, Q. Thủ Đức, TP.HCM	90	0,00%	Miễn nhiệm từ ngày 15/04/2024
3	Hoàng Đức Hoa		Thành Viên HĐQT/ Người Đại Diện Pháp luật/ Tổng Giám đốc	040083026987-26/08/23_Cục CSQL hành chính về trật tự xã hội	Khu phố 3, Long Toàn, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.	0	0,00%	Bỏ nhiệm từ ngày 15/04/2024
3.1	Hoàng Đức Dị			040049001771 cấp ngày 25/4/2021 tại CA Bà Rịa-Vũng Tàu	32 Lê Văn Duyệt, phường Long Toàn, TP. Bà Rịa, Bà Rịa-Vũng Tàu	0	0,00%	Bố đẻ
3.2	Phan Thị Khương			040153001955 cấp ngày 25/4/2021 tại CA Bà Rịa-Vũng Tàu	32 Lê Văn Duyệt, phường Long Toàn, TP. Bà Rịa, Bà Rịa-Vũng Tàu	0	0,00%	Mẹ đẻ
3.3	Lê Văn Sơn			048063003951 cấp ngày 28/06/2021 tại CA Đà Nẵng	Số nhà 50 Giang Văn Minh, P. Hòa Thuận Tây, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	0	0,00%	Bố vợ
3.4	Mai Thị Trúc Huyền			049164018892 cấp ngày 09/01/2022 tại CA Đà Nẵng	Số nhà 50 Giang Văn Minh, P. Hòa Thuận Tây, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	0	0,00%	Mẹ vợ
3.5	Lê Thủy Tiên			048192003579 cấp ngày 03/6/2022 tại Cục cảnh sát	A9.15 Chung cư 9 View, P. Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP.HCM	0	0,00%	Vợ
3.6	Hoàng Đức Vinh				Sinh năm 2018, ở cùng bố mẹ đẻ	0	0,00%	Con đẻ
3.7	Hoàng Đức Minh Quân				Sinh năm 2020, ở cùng bố mẹ đẻ	0	0,00%	Con đẻ
3.8	Hoàng Đức Lam			040073025642 cấp ngày 22/11/2021 tại CA TP. Hồ Chí Minh	14.08 chung cư An Khang, đường số 19, phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	0	0,00%	Anh ruột
3.9	Hoàng Thị Anh			040178007818 cấp ngày 01/5/2021 tại CA TP. Hồ Chí Minh	30 Lê Văn Duyệt, phường Long Toàn, TP. Bà Rịa, Bà Rịa-Vũng Tàu	0	0,00%	Chị ruột
3.10	Hoàng Đức Tuấn			040082000354 cấp ngày 28/6/2021 tại CA Bà Rịa-Vũng Tàu	32 Lê Văn Duyệt, phường Long Toàn, TP. Bà Rịa, Bà Rịa-Vũng Tàu	0	0,00%	Anh ruột

Stt	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
3.11	Ninh Thị Thanh Thủy			077178006905 cấp ngày 04/7/2022 tại CA. Bà Rịa Vũng Tàu	14.08 chung cư An Khang, đường số 19, phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	0	0,00%	Chị dâu
3.12	Phạm Kim Thành			042068000150 cấp ngày 07/5/2021 tại CA Bà Rịa - Vũng Tàu	30 Lê Văn Duyệt, phường Long Toàn, TP. Bà Rịa, Bà Rịa-Vũng Tàu	0	0,00%	Anh rể
3.13	Trương Thị Huệ			030185020217 cấp ngày 28/6/2021 tại CA Bà Rịa Vũng Tàu	32 Lê Văn Duyệt, phường Long Toàn, TP. Bà Rịa, Bà Rịa-Vũng Tàu	0	0,00%	Chị dâu
3.14	Lê Thị Ngọc Thủy			048185003476 cấp ngày 28/06/2021 tại CA. Đà Nẵng	Số nhà 50 Giang Văn Minh, P. Hòa Thuận Tây, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	0	0,00%	Chị vợ
3.15	Lê Nam Thiên			048202004468 cấp ngày 31/05/2021 tại CA. Đà Nẵng	Số nhà 50 Giang Văn Minh, P. Hòa Thuận Tây, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	0	0,00%	Em vợ
3.16	Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP			0100100047	91 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	7.946.510	65,00%	Ông Hoàng Đức Hoa làm Đại diện vốn
<b>4</b>	<b>Cao Anh Kiệt</b>		<b>Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc</b>	<b>079064021171-20/12/21_Cục CSQL hành chính về trật tự xã hội</b>	<b>9, Lê Công Kiều, P.Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP.HCM</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>	
4.1	Lâm Thu Trang			022951462	14 đường 10 KDC Khang Điền đường Dương Đình Hội, P.Phước Long B, TP Thủ Đức, TPHCM	0	0,00%	Vợ
4.2	Cao Minh Trí			079201005273	14 đường 10 KDC Khang Điền đường Dương Đình Hội, P.Phước Long B, TP Thủ Đức, TPHCM	0	0,00%	Con ruột
4.3	Cao Minh Hân			Không có	14 đường 10 KDC Khang Điền đường Dương Đình Hội, P.Phước Long B, TP Thủ Đức, TPHCM	0	0,00%	Con ruột
4.4	Cao Ánh Tuyết			079160011904	116/8A Kỳ Đồng, P9, Q3, TPHCM	0	0,00%	Chị ruột
4.5	Dương Văn Hoàng			079060010096	116/8A Kỳ Đồng, P9, Q3, TPHCM	0	0,00%	Anh rể
4.6	Cao thị Ánh Loan			079165008372	61B Phan Đình Phùng P.17 , Q.Phú Nhuận TPHCM	0	0,00%	Em ruột

Stt	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
4.7	Lê Văn Nhân			051065000296	61B Phan Đình Phùng P.17 , Q.Phú Nhuận TPHCM	0	0,00%	Anh rể
4.8	Cao Anh Tài			079067002642	9 Lê Công Kiều, P.Nguyễn Thái Bình, Q1, TPHCM	0	0,00%	Em ruột
4.9	Hoàng thị Đoan Trang			022106659	9 Lê Công Kiều, P.Nguyễn Thái Bình, Q1, TPHCM	0	0,00%	Em dâu
4.10	Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP			0100100047	91 Láng Hạ, Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP	7.946.510	65,00%	Ông Cao Anh Kiệt làm Đại diện vốn
5	<b>Nguyễn Thị Mai Khanh</b>		<b>Thành viên HĐQT</b>	<b>027182004963-28/04/21_Cục CSQL hành chính về trật tự xã hội</b>	<b>91 Láng Hạ, Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>	
5.1	Đỗ Kim Dung			027151000082	Số 6 Phố Trung Kính, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	0	0,00%	Mẹ ruột
5.2	Nguyễn Văn Hạ			027047000102	Số 6 Phố Trung Kính, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	0	0,00%	Bố ruột
5.3	Lê Thiên Hạ			042046000517	Chưa cung cấp	0	0,00%	Bố chồng
5.4	Nguyễn Thị Loan			019148000036	Chưa cung cấp	0	0,00%	Mẹ chồng
5.5	Lê Anh Minh			001081037392	Tổ 20, Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy	0	0,00%	Chồng
5.6	Lê Anh Thư			001307041619	Tổ 20, Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy	0	0,00%	Con ruột
5.7	Lê Anh Khánh			Không có	Tổ 20, Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy	0	0,00%	Con ruột
5.8	Nguyễn Thị Thúy Hằng			027178000338	Tổ 35, Trung Hòa, Cầu Giấy	0	0,00%	Chị ruột
5.9	Nguyễn Thị Thu Hiền			027175002340	Phượng Mao, Quế Võ, Bắc Ninh	0	0,00%	Chị ruột
5.10	Lê Anh Trứ			019078000427	Số 02 Nguyễn Thị Minh Khai, Lộc Thọ, Nha Trang, Khánh Hoà	0	0,00%	Anh chồng
5.11	Lê Hải Yến			225100459	Số 02 Nguyễn Thị Minh Khai, Lộc Thọ, Nha Trang, Khánh Hoà	0	0,00%	Chị dâu
5.12	Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP			0100100047	91 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	7.946.510	65,00%	Bà Nguyễn Thị Mai Khanh làm Đại diện vốn

Stt	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
<b>6</b>	<b>Lê Bá Phương</b>		<b>Thành viên HĐQT</b>	<b>045064004812-30/08/21_Cục CSQL hành chính về trật tự xã hội</b>	<b>85/3 Hà Huy Tập, P.Tân Phong, Q.7, TPHCM</b>	<b>857.674</b>	<b>7,02%</b>	
6.1	Nguyễn Thị Vĩnh			Không có	Chưa cung cấp	0	0,00%	Chị
6.2	Nguyễn Thị Thu			Không có	Chưa cung cấp	0	0,00%	Chị
6.3	Lê Bá Đông			Không có	Chưa cung cấp	0	0,00%	Anh
6.4	Nguyễn Thị Thủy			023360659	90/5 Nguyễn Khoái, P.2, Q.4 Tp.HCM	264.400	2,16%	Vợ
6.5	Lê Thủy Tiên			Không có	Chưa cung cấp	0	0,00%	Con
6.6	Lê Bá Hùng			Không có	Chưa cung cấp	0	0,00%	Con
6.7	Trương Văn Bình			Không có	Chưa cung cấp	0	0,00%	Anh rể
6.8	Hồ Thị Duyên			Không có	Chưa cung cấp	0	0,00%	Chị Dâu
6.9	Trần Minh Hồ			Không có	Chưa cung cấp	0	0,00%	Anh rể
6.10	Công Ty CP Đông Hải Bến Tre			1300358260 - 02/04/2003 - Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Bến Tre	Lô AIII, KCN Giao Long, xã An Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, VN	0	0,00%	Ông Lê Bá Phương làm Phó Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc
<b>7</b>	<b>Hoàng Công Thành</b>		<b>Phó Tổng Giám Đốc</b>	<b>036075007666-28/02/19_Cục CSQL hành chính về trật tự xã hội</b>	<b>15-E2, Trần Bình Trọng, P5, Q.Bình Thạnh, TP.HCM</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>	
7.1	Đào Bội Hiền			001182044514	205 Nguyễn Xí, P26, Q Bình Thạnh, Tp HCM	0	0,00%	Vợ
7.2	Hoàng Nguyệt Anh			079307031754	205 Nguyễn Xí, P26, Q Bình Thạnh, Tp HCM	0	0,00%	Con
7.3	Hoàng Phúc Hưng			079209024882	205 Nguyễn Xí, P26, Q Bình Thạnh, Tp HCM	0	0,00%	Con
7.4	Hoàng Công Diệu			250802047	17/30 Finom, Hiệp Thạnh, Đức Trọng, Lâm Đồng	0	0,00%	Bố đẻ
7.5	Đào Phan Lương			019049001926	A10.03, T3, Masteri Thảo Điền, P. Thảo Điền, TP Thủ Đức	0	0,00%	Bố vợ
7.6	Nguyễn Thị Hòa			001155026370	A10.03, T3, Masteri Thảo Điền, P. Thảo Điền, TP Thủ Đức	0	0,00%	Mẹ vợ

Stt	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
7.7	Hoàng Công Yên			036173017963	221 Thôn 2, Đa Ròn, Đơn Dương, Lâm Đồng	0	0,00%	Anh trai
7.8	Lê Thị Tường			042172008785	221 Thôn 2, Đa Ròn, Đơn Dương, Lâm Đồng	0	0,00%	Chị dâu
7.9	Hoàng Công Chức			036079024746	412/7 Nhật Tảo, Phường 6, Quận 10, Tp HCM	0	0,00%	Em trai
7.10	Trần Thị Hoàn			017179000113	412/7 Nhật Tảo, Phường 6, Quận 10, Tp HCM	0	0,00%	Em dâu
7.11	Hoàng Thị Thắng			036181024717	65A Lý Thường Kiệt, Liên Nghĩa, Đức Trọng, Lâm Đồng	0	0,00%	Em gái
7.12	Thân Tuấn			068078008429	65A Lý Thường Kiệt, Liên Nghĩa, Đức Trọng, Lâm Đồng	0	0,00%	Em rể
<b>8</b>	<b>Đỗ Thị Long Châu</b>		<b>Kế toán trưởng</b>	<b>079178006769-06/09/18_Cục CSQL hành chính về trật tự xã hội</b>	<b>334 chung cư C2 đường 45, P6, Q4</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>	<b>Miễn nhiệm từ ngày 16/09/2024</b>
8.1	Bà Nguyễn Thị Kiều			036149001051	18 Sơn Cang, P 12, Q Tân Bình, Tp HCM	0	0,00%	Mẹ ruột
8.2	Nguyễn Đình Hòa			046076000264	334 chung cư C2 đường 45, P6, Q4	0	0,00%	Chồng
8.3	Nguyễn Mỹ Thanh			079307011316	334 chung cư C2 đường 45, P6, Q4	0	0,00%	Con ruột
8.4	Nguyễn Mỹ Thy			079318029720	334 chung cư C2 đường 45, P6, Q4	0	0,00%	Con ruột
8.5	Đỗ Quang Tân			079074028967	71/43 Gò Xoài, P Bình Hưng Hòa A, Q Bình Tân, Tp HCM	0	0,00%	Anh ruột
8.6	Đỗ Thị Hoàng Oanh			Không có	18 Sơn Cang, P 12, Q Tân Bình, Tp HCM	0	0,00%	Chị ruột
8.7	Đỗ Quang Huy			079085004394	18 Sơn Cang, P 12, Q Tân Bình, Tp HCM	0	0,00%	Em ruột
8.8	Nguyễn Ngọc Bích			139170001238	71/43 Gò Xoài, P Bình Hưng Hòa A, Q Bình Tân, Tp HCM	0	0,00%	Chị dâu
8.9	Nguyễn Thị Huệ			030183025028	18 Sơn Cang, P 12, Q Tân Bình, Tp HCM	0	0,00%	Em dâu
<b>9</b>	<b>Đoàn Hồng Hà</b>		<b>Trưởng ban kiểm soát</b>	<b>019171000374-06/04/21_Cục CSQL hành chính về trật tự xã hội</b>	<b>42, Đường 18, P.8, Q.Gò Vấp, TP.HCM</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>	
9.1	Võ Tuấn Linh			079071038673	42 Đường 18, P8, Q. Gò Vấp, TP. HCM	0	0,00%	Chồng

Stt	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
9.2	Võ Minh Như			079301020345	42 Đường 18, P8, Q. Gò Vấp, TP. HCM	0	2,16%	Con
9.3	Võ Minh Anh			079311030749	159 L1 Lý Thường Kiệt, P6, Q. Tân Bình, TP. HCM	0	2,16%	Con
9.4	Đoàn Văn Giới			079037004807	159 L1 Lý Thường Kiệt, P6, Q. Tân Bình, TP. HCM	0	0,00%	Bố ruột
9.5	Huỳnh Thị Lan			049150004283	42 Đường 18, P8, Q. Gò Vấp, TP. HCM	0	0,00%	Mẹ chồng
9.6	Đoàn Tiệp Minh			019069000043	159 L1 Lý Thường Kiệt, P6, Q. Tân Bình, TP. HCM	0	0,00%	Anh ruột
9.7	Nguyễn Thị Ngọc Tú			079181005111	224/14C Phan Đình Phùng, P1, Q. Phú Nhuận, TP. HCM	0	0,00%	Chị dâu
9.8	Đoàn Cửu Long			079076010340	159 L1 Lý Thường Kiệt, P6, Q. Tân Bình, TP. HCM	0	0,00%	Em ruột
9.9	Nguyễn Thị Ngọc Hiền			068189000652	151 Hiệp Thành 1, Tam Bó, Di Linh, Lâm Đồng	0	0,00%	Em dâu
<b>10</b>	<b>Nguyễn Quốc Cường</b>		<b>Thành viên BKS</b>	<b>095081004258-10/07/21_Cục CSQL hành chính về trật tự xã hội</b>	<b>Vĩnh Mỹ A, Vĩnh Lợi, Bạc Liêu</b>	<b>-</b>	<b>0,00%</b>	
10.1	Bà Lâm Thị Tuyết			095145002250	Ấp Tân Tiến, xã Vĩnh Mỹ A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu	0	0,00%	Mẹ ruột
10.2	Chu Hồng Trang			001182036384	92/14/24 kp1, đường Vườn Lài, phường An Phú Đông, Q12, Tp HCM	0	0,00%	Vợ
10.3	Nguyễn Văn Hoàng			095070008263	Ấp Tân Tiến, xã Vĩnh Mỹ A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu	0	0,00%	Anh ruột
10.4	Nguyễn Ngọc Diễm			095177007271	Ấp Tân Tiến, xã Vĩnh Mỹ A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu	0	0,00%	Chị ruột
10.5	Chu Việt Hà			079150000004	19B Ngõ 28 Ngọc Hà, Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	0	0,00%	Em vợ
10.6	Chu Việt Hiền Vương			079098000013	19B Ngõ 28 Ngọc Hà, Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	0	0,00%	Em vợ
<b>11</b>	<b>Trần Minh Hạnh</b>		<b>Thành viên BKS</b>	<b>045076002898-27/11/21_Cục CSQL hành chính về trật tự xã hội</b>	<b>343/34 Tô Hiến Thành, P.12, Q10, Tp HCM</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>	
11.1	Phạm Ngọc Uyên			023809653	343/34 Tô Hiến Thành, P.12, Q10, Tp HCM	0	0,00%	Vợ
11.2	Trần Minh Hồ			197093277	Tứ Chính, Vĩnh Tú, Vĩnh Linh, Quảng Trị	0	0,00%	Bố ruột

Stt	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
11.3	Lê Thị Vinh			190247292	Tứ Chính, Vĩnh Tú, Vĩnh Linh, Quảng Trị	0	0,00%	Mẹ ruột
11.4	Trần Thị Minh Phúc			045182000455	Tổ 6, KP 3, Phường 2, TX Quảng Trị, Quảng Trị	0	0,00%	Em ruột
11.5	Trần Thị Hoa			201842268	Tổ 83 An Khê, Quận Thanh Khê, Đà Nẵng	0	0,00%	Em ruột
11.6	Lê Nam Phong			045082004960	Tổ 83 An Khê, Quận Thanh Khê, Đà Nẵng	0	0,00%	Em rể
11.7	Trần Minh Huỳnh			045086000395	Tứ Chính, Vĩnh Tú, Vĩnh Linh, Quảng Trị	0	0,00%	Em ruột
11.8	Phạm Hữu Đông			020002274	343/34 Tô Hiến Thành, P.12, Q10, Tp HCM	0	0,00%	Bố vợ
11.9	Nguyễn Thị Tuyền			022155413	343/34 Tô Hiến Thành, P.12, Q10, Tp HCM	0	0,00%	Mẹ vợ
12	Vũ Xuân Trường		<b>Phó Tổng Giám Đốc / Phụ trách quản trị Công ty / Thư Ký</b>	<b>027074012693-21/04/23_Cục CSQL hành chính về trật tự xã hội</b>	<b>20, Đường N5, KP.Bình Dương, P.Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>	
12.1	Nguyễn Thị Thanh Xuân			075183009612	20, Đường N5, KP.Bình Dương, P.Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai	0	0,00%	Vợ
12.2	Vũ Ngọc Vinh			075205025041	20, Đường N5, KP.Bình Dương, P.Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai	0	0,00%	Con ruột
12.3	Vũ Minh Quang			075211014092	20, Đường N5, KP.Bình Dương, P.Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai	0	0,00%	Con ruột
12.4	Vũ Minh Hiền			075218016061	20, Đường N5, KP.Bình Dương, P.Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai	0	0,00%	Con ruột
12.5	Vũ Văn Trác			Không có	Tân Chi, Tiên Du, Bắc Ninh	0	0,00%	Bố ruột
12.6	Hà Thị Tiếp			Không có	Tân Chi, Tiên Du, Bắc Ninh	0	0,00%	Mẹ ruột
12.7	Nguyễn Duy Cẩn			Không có	P.Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai	0	0,00%	Bố Vợ
12.8	Nguyễn Thị Thu			Không có	P.Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai	0	0,00%	Mẹ vợ
12.9	Vũ Thị Tuấn Anh			Không có	Tân Chi, Tiên Du, Bắc Ninh	0	0,00%	Chị ruột
12.10	Nguyễn Trọng Thủy			Không có	Tân Chi, Tiên Du, Bắc Ninh	0	0,00%	Anh rể
12.11	Vũ Thị Thanh Hương			Không có	Tân Chi, Tiên Du, Bắc Ninh	0	0,00%	Chị ruột

Stt	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
12.12	Hà Sỹ Duân			Không có	Tân Chi, Tiên Du, Bắc Ninh	0	0,00%	Anh rể
12.13	Vũ Văn Trục			Không có	Quận 7, TP.HCM	0	0,00%	Anh ruột
12.14	Nguyễn Thị Minh Nguyệt			Không có	Quận 7, TP.HCM	0	0,00%	Chị dâu
12.15	Vũ Thị Thanh Thủy			Không có	Tân Chi, Tiên Du, Bắc Ninh	0	0,00%	Chị ruột
12.16	Nguyễn Trọng Kiên			Không có	Tân Chi, Tiên Du, Bắc Ninh	0	0,00%	Anh rể
12.17	Vũ Xuân Chinh			Không có	Tân Chi, Tiên Du, Bắc Ninh	0	0,00%	Em ruột
12.18	Nguyễn Thị Chuyên			Không có	Tân Chi, Tiên Du, Bắc Ninh	0	0,00%	Em dâu
12.19	Vũ Thanh Sơn			Không có	Quận 7, TP.HCM	0	0,00%	Em ruột
12.20	Nguyễn Thanh Trang			Không có	Quận 7, TP.HCM	0	0,00%	Em dâu
12.21	Vũ Thành Yên			Không có	Tân Chi, Tiên Du, Bắc Ninh	0	0,00%	Em ruột
12.22	Nguyễn Thị Thắm			Không có	Tân Chi, Tiên Du, Bắc Ninh	0	0,00%	Em dâu
<b>13</b>	<b>Đặng Công An</b>		<b>Phụ trách P.TCKT</b>	<b>046069000028</b>	<b>338/41 Nguyễn Đình Chiểu, P4, Q3, TP.HCM</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>	<b>Bổ nhiệm từ ngày 16/09/2024</b>
13.1	Trịnh Thị Kim Chi			052170023278	338/41 Nguyễn Đình Chiểu, P4, Q3, TP.HCM	0	0,00%	Vợ
13.2	Đặng Phương Nhi			079304003900	338/41 Nguyễn Đình Chiểu, P4, Q3, TP.HCM	0	0,00%	Con ruột
13.3	Đặng Công Phúc			079209009343	338/41 Nguyễn Đình Chiểu, P4, Q3, TP.HCM	0	0,00%	Con ruột
13.4	Đặng Công Ninh			046043001834	338/41 Nguyễn Đình Chiểu, P4, Q3, TP.HCM	0	0,00%	Bố ruột
13.5	Đặng Hằng Thụy Thùy Hương			NCLQ không cung cấp	338/41 Nguyễn Đình Chiểu, P4, Q3, TP.HCM	0	0,00%	Chị ruột
13.6	Đặng Công Thanh Tường			046072011580	338/41 Nguyễn Đình Chiểu, P4, Q3, TP.HCM	0	0,00%	Em ruột
13.7	Đặng Công Minh Nhật			046074008995	338/41 Nguyễn Đình Chiểu, P4, Q3, TP.HCM	0	0,00%	Em ruột

Stt	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
13.8	Đặng Công Ngọc Bích			046077011935	338/41 Nguyễn Đình Chiểu, P4, Q3, TP.HCM	0	0,00%	Em ruột
13.9	Trịnh Thúy Lan			NCLQ không cung cấp	Bình Tân, TP.HCM	0	0,00%	Mẹ vợ
13.10	Nguyễn Tấn Minh			NCLQ không cung cấp	Bình Tân, TP.HCM	0	0,00%	Anh vợ
13.11	Nguyễn Thị Anh Thiệt			NCLQ không cung cấp	Bình Tân, TP.HCM	0	0,00%	Em vợ
13.12	Huỳnh Thị Bích Hạnh			NCLQ không cung cấp	Long An	0	0,00%	Em dâu
13.13	Huỳnh Thị Hiền			NCLQ không cung cấp	Bình Thạnh, TP.HCM	0	0,00%	Em dâu
14	<b>Công đoàn của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel</b>			65/QĐ-CDT	<b>Km 9, Võ Nguyên Giáp. P Trường Thọ, Tp Thủ Đức, Tp HCM</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>	<b>Tổ chức chính trị - xã hội của công ty đại chúng (Công đoàn, đoàn thanh niên....)</b>

**DANH SÁCH TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN CỦA TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP**

STT	Tên công ty con	Hoạt động kinh doanh update	Địa chỉ	hạn mức giao dịch (tỷ đồng)	Nội dung hợp đồng/giao dịch
1	Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội	Cung cấp thép sản xuất trong nước và thép nhập khẩu cho các nhà máy và các công trình xây dựng công nghiệp cũng như dân dụng	20 Tôn Thất Tùng, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	< 10% tổng tài sản	Mua bán vật tư, hàng hóa
2	Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh	Mua bán kim khí (kim loại đen, kim loại màu); máy móc thiết bị các loại...	193 Đinh Tiên Hoàng –P. Đa Kao-Q.1-Tp.HCM	< 10% tổng tài sản	Bán: Thép cán, phôi thép
3	Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL	Luyện, cán các loại thép xây dựng; gia công cơ khí; kinh doanh thép.	Đường số 9, Khu công nghiệp Biên hòa 1, phường AAn Bình, thành phố Biên hòa, tỉnh Đồng	< 10% tổng tài sản	Mua bán vật tư, hàng hóa
4	Công ty Cổ phần Sản xuất Sản phẩm mạ Công nghiệp Vingal	Sản xuất và kinh doanh ống thép, mạ kẽm nhúng nóng, gia công cơ khí.	Số 4, đường 2A, khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai	< 10% tổng tài sản	Mua bán vật tư, hàng hóa
5	Công ty Cổ phần Giao nhận Kho Vận Ngoại Thương TP Hồ Chí Minh	Các dịch vụ vận tải đa phương thức, logistic, kho bãi	Số 406 Nguyễn Tất Thành, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	< 10% tổng tài sản	DV vận chuyển giao nhận hàng hóa
6	Công ty TNHH MTV Tư vấn MCD-VNSTEEL (trước là Công ty Tư vấn Thiết kế Luyện kim	Tư vấn thiết kế		< 10% tổng tài sản	
7	Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm: lưới rào B40, dây thép gai, dây mạ, đinh, lưới rọ đá và các sản phẩm khác.	117 Âu Cơ, Phường Phú Trung, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh	< 10% tổng tài sản	mua phế liệu, dây kẽm, bán thép cán
8	Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	Luyện cán các sản phẩm thép, gia công kết cấu.	Đường số 2, khu công nghiệp Biên hoà 1, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai	< 10% tổng tài sản	mua phế liệu, phụ tùng gia công chi tiết, bán phế liệu thu hồi

9	Công ty Liên doanh Nippovina	sản xuất và cung cấp các loại sản phẩm phục vụ cho xây dựng như: tấm lợp, vách ngăn, xà gồ thép, cửa cuốn, khung sườn nhà xưởng...	136A Bùi Văn Ba, P. Tân Thuận Đông, Q7, TP HCM	< 10% tổng tài sản	mua thép phế liệu, tôn mạ màu
10	Công ty TNHH Gia công và Dịch vụ Thép Sài Gòn	Cung cấp sản phẩm và dịch vụ gia công cắt thép cuộn thành tấm và xẻ dọc cuộn	Số 5 đường 4A, khu Công Nghiệp Biên Hòa 2, tỉnh Đồng Nai	< 10% tổng tài sản	Mua bán vật tư, hàng hóa
11	Công ty Cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vigal - Vnsteel	Sản xuất, kinh doanh các loại ống thép mạ kẽm tròn, vuông, ...	Km9, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	< 10% tổng tài sản	Mua bán vật tư, hàng hóa
12	Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng	Sản xuất, kinh doanh: phôi thép, thép xây dựng các loại, tôn mạ màu, xà gồ lưới thép, thép chế tạo thông dụng, các chi tiết gang thép, các loại khí công nghiệp.	Khu công nghiệp Hòa Khánh, Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	< 10% tổng tài sản	Mua bán vật tư, hàng hóa
13	Công ty Liên doanh Sản xuất Thép Vinausteel	Sản xuất, kinh doanh thép cốt bê tông cán nóng	Km 9, Vật Cách, Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	< 10% tổng tài sản	Mua bán vật tư, hàng hóa
14	Công ty TNHH Khoáng sản Luyện kim Việt Trung	Sản xuất và kinh doanh các loại gang, phôi thép, quặng sắt.	Đại lộ Trần Hưng Đạo, Phường Bắc Cường, TP Lào Cai	< 10% tổng tài sản	Mua bán vật tư, hàng hóa
15	Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	Cung cấp thép xây dựng các loại cho các công trình dân dụng và công nghiệp; xuất nhập khẩu kim khí và thép các loại.	16 Thái Phiên, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	< 10% tổng tài sản	Mua bán vật tư, hàng hóa

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024  
(đã được kiểm toán)



**Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL**

Km9, đường Võ Nguyên Giáp, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 36
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 36

**Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL**

Km9, đường Võ Nguyên Giáp, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Thép Thủ Đức. Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần từ ngày 29 tháng 12 năm 2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305409326 ngày 29 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 07 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần ngày 03 tháng 05 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km9, đường Võ Nguyên Giáp, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Minh Chính	Chủ tịch	
Ông Cao Anh Kiệt	Thành viên	
Ông Lê Bá Phương	Thành viên	
Ông Hoàng Đức Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2024
Bà Nguyễn Thị Mai Khanh	Thành viên	
Ông Nguyễn Xuân Tiến	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2024

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Đức Hoa	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/04/2024
Ông Nguyễn Xuân Tiến	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/04/2024
Ông Cao Anh Kiệt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Công Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đặng Công An	Phụ trách Phòng Tài chính Kế toán	Bổ nhiệm ngày 16/09/2024
Bà Đỗ Thị Long Châu	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 16/09/2024

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đoàn Hồng Hà	Trưởng ban
Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên
Ông Trần Minh Hạnh	Thành viên

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Hoàng Đức Hoa - Tổng Giám đốc.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

**Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL**

Km9, đường Võ Nguyên Giáp, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Hoàng Đức Hoa**

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2025

Số: 270225.001/BCTC.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL được lập ngày 27 tháng 02 năm 2025, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 01 và số 33 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về việc Công ty đang xin gia hạn tiếp tục thuê đất đến thời điểm hiện tại để có đủ thời gian lập và triển khai thực hiện việc di dời nhà máy ra khỏi nội đô thành phố Hồ Chí Minh. Sự kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.



Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

**Trần Trung Hiếu**

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2025

**Phạm Văn Sang**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3864-2025-002-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>357.133.576.357</b>	<b>412.180.390.968</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	03	<b>41.071.545.578</b>	<b>122.727.069.626</b>
111	1. Tiền		16.071.545.578	3.227.069.626
112	2. Các khoản tương đương tiền		25.000.000.000	119.500.000.000
130	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>162.079.363.517</b>	<b>122.041.750.130</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	164.141.870.178	123.324.273.458
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	74.310.000	155.010.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	610.388.656	1.312.795.258
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.747.205.317)	(2.750.328.586)
140	<b>III. Hàng tồn kho</b>	08	<b>148.176.095.180</b>	<b>164.345.209.413</b>
141	1. Hàng tồn kho		148.726.984.547	164.704.597.540
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(550.889.367)	(359.388.127)
150	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>5.806.572.082</b>	<b>3.066.361.799</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.284.550.829	3.066.361.799
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		4.522.021.253	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>6.311.724.924</b>	<b>11.243.412.138</b>
220	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>4.384.120.090</b>	<b>8.648.052.120</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	4.384.120.090	8.554.996.562
222	- Nguyên giá		310.673.132.246	310.673.132.246
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(306.289.012.156)	(302.118.135.684)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	93.055.558
228	- Nguyên giá		300.000.000	300.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(300.000.000)	(206.944.442)
240	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.127.829.192</b>	<b>783.360.018</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	09	1.127.829.192	783.360.018
260	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>799.775.642</b>	<b>1.812.000.000</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	799.775.642	1.812.000.000
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>363.445.301.281</b>	<b>423.423.803.106</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>150.766.695.457</b>	<b>123.687.397.518</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>99.718.695.457</b>	<b>72.639.397.518</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	70.295.260.436	43.366.037.069
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		13.580.883	13.580.883
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	202.184.798	3.252.514.961
314	4. Phải trả người lao động		22.952.006.682	21.265.352.504
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	4.383.155.283	3.690.499.132
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	1.361.852.389	807.699.036
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		510.654.986	243.713.933
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>51.048.000.000</b>	<b>51.048.000.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	51.048.000.000	51.048.000.000
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>212.678.605.824</b>	<b>299.736.405.588</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	17	<b>212.678.605.824</b>	<b>299.736.405.588</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		122.253.930.000	122.253.930.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>122.253.930.000</i>	<i>122.253.930.000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.708.334.281	17.708.334.281
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		26.752.106.672	26.752.106.672
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		45.964.234.871	133.022.034.635
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>45.444.283.635</i>	<i>124.413.489.548</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>519.951.236</i>	<i>8.608.545.087</i>
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>363.445.301.281</b>	<b>423.423.803.106</b>



Đỗ Thị Quế Nga  
Người lập



Đặng Công An  
Phụ trách Phòng Tài chính Kế  
toán



Hoàng Đức Hoa  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	1.502.532.977.817	1.398.128.724.425
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	5.951.371.643	1.819.823.262
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.496.581.606.174	1.396.308.901.163
11	4. Giá vốn hàng bán	21	1.456.579.660.588	1.348.053.020.051
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		40.001.945.586	48.255.881.112
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	4.977.734.380	2.199.787.019
22	7. Chi phí tài chính	23	144.090.829	1.040.230.475
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		130.781	962.151.088
25	8. Chi phí bán hàng	24	12.257.871.350	9.282.052.523
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	35.563.055.871	30.895.512.071
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.985.338.084)	9.237.873.062
31	11. Thu nhập khác	26	3.876.836.454	2.228.507.771
32	12. Chi phí khác	27	104.941.056	556.317.625
40	13. Lợi nhuận khác		3.771.895.398	1.672.190.146
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		786.557.314	10.910.063.208
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	266.606.078	2.301.518.121
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		519.951.236	8.608.545.087
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	37	575



Đỗ Thị Quế Nga  
Người lập



Đặng Công An  
Phụ trách Phòng Tài chính Kế  
toán



Hoàng Đức Hoà  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2025

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		786.557.314	10.910.063.208
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.263.932.030	6.477.031.350
03	- Các khoản dự phòng		188.377.971	(2.278.223.082)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(110.886.542)	(5.869.818)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.861.052.004)	(1.844.041.798)
06	- Chi phí lãi vay		130.781	962.151.088
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.267.059.550	14.221.110.948
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(44.685.506.273)	(61.430.438.486)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		15.977.612.993	90.305.674.441
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		27.513.021.383	47.812.006.415
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.449.566.154	(122.024.526)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(130.781)	(962.151.088)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.263.511.425)	(167.751.066)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.733.058.947)	(1.094.580.653)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		525.052.654	88.561.845.985
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	36.000.000
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.091.973.920	1.566.434.949
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3.091.973.920	1.602.434.949
	<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.060.778.400	154.443.478.151
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.060.778.400)	(154.443.478.151)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(85.281.510.150)	(55.674.750)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(85.281.510.150)	(55.674.750)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(81.664.483.576)	90.108.606.184

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		122.727.069.626	32.612.653.924
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		8.959.528	5.809.518
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>41.071.545.578</u>	<u>122.727.069.626</u>

Đỗ Thị Quế Nga  
Người lập

Đặng Công An  
Phụ trách Phòng Tài chính Kế  
toán



Hoàng Đức Hoa  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2025

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Thép Thủ Đức. Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần từ ngày 29 tháng 12 năm 2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305409326 ngày 29 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 07 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần ngày 03 tháng 05 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km9, đường Võ Nguyên Giáp, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 122.253.930.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 122.253.930.000 VND; trong đó 12.225.393 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 257 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 259 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất sắt, thép, gang.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu thép và sản phẩm thép; nguyên nhiên liệu, thứ phế liệu kim loại cho sản xuất thép; các loại vật tư, thiết bị, phụ tùng cho sản xuất thép, xây dựng, giao thông, cơ khí, công nghiệp;
- Sản xuất, kinh doanh oxy, nitơ, argon dạng khí và lỏng; mua bán, lắp đặt hệ thống thiết bị sản xuất và sử dụng khí;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở);
- Kinh doanh, khai thác cảng;
- Dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng hóa, dịch vụ cho thuê kho bãi, nhà xưởng;
- Xây dựng, kinh doanh cao ốc, văn phòng, nhà ở.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty đang xin gia hạn tiếp tục thuê đất đến thời điểm hiện tại để có đủ thời gian lập và triển khai việc di dời nhà máy ra khỏi nội đô Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên, Công ty vẫn chưa nhận được công văn chấp thuận của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh về vấn đề này. Những sự kiện này cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên:

- Công ty đã xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh thương mại để đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn trong vòng ít nhất một năm kể từ ngày phát hành Báo cáo tài chính này. Công ty dự kiến sẽ đạt được mức lợi nhuận mong muốn và đảm bảo dòng tiền để thanh toán cho các khoản nợ đến hạn trả.
- Ngày 20/12/2023, Tổng Công ty Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần đã ban hành Công văn số 1132/VNS-TCKT về cam kết hỗ trợ tài chính và hỗ trợ hoạt động cho Công ty tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn sẽ hoạt động bình thường trong thời gian tới. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Trong năm, thị trường trong nước gặp nhiều khó khăn do thị trường bất động sản trầm lắng, có sự cạnh tranh gay gắt của các nhà sản xuất trong nước cùng với hàng nhập khẩu giá rẻ từ Trung Quốc, Indonesia... Tình hình giá cả nguyên vật liệu và thành phẩm thép xây dựng biến động lên xuống liên tục và không theo quy luật. Tác động từ việc tăng sản lượng, giá bán đã ảnh hưởng đến tổng doanh thu bán hàng tăng 104,4 tỷ VND tương ứng tăng 7,47% so với năm trước. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ tăng 108,53 tỷ VND tương ứng tăng 8,05% so với năm trước. Tỷ lệ tăng giá vốn nhanh hơn tỷ lệ tăng doanh thu. Đồng thời các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán trả lại tăng tương ứng. Tổng hợp các nguyên nhân nêu trên khiến cho Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay giảm 8,25 tỷ VND so với năm trước, tương ứng giảm 17,1%.

Cũng trong năm nay, do đơn giá chi phí thương hiệu, chi phí vận chuyển tăng mạnh gấp 1,6 lần so với năm trước khiến cho Chi phí bán hàng của Công ty tăng 2,98 tỷ VND tương ứng tăng 32,06%.

Các yếu tố nêu trên làm cho lợi nhuận trước thuế năm nay sụt giảm mạnh so với năm 2023.

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 . Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

#### **2.4 . Công cụ tài chính**

##### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

##### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

#### **2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

#### **2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **2.7 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 08 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

## 2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí của dự án di dời và xây dựng Nhà máy Thép Thủ Đức, chi phí sửa chữa lớn TSCĐ.

### 2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

### 2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng không quá 3 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng trong 12 tháng.

### 2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

### 2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### 2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### 2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí điện, nước, điện thoại, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.



### **2.17 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

### **2.18 . Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu bán hàng*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là Chiết khấu thương mại, hàng bán trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

## 2.20 . Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

## 2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn; Chi phí chiết khấu thanh toán; Lãi mua hàng trả chậm;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Chi phí thuế TNDN hiện hành  
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.
- b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành  
Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

## 2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

## 2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.25 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất sắt thép và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	188.262.427	245.528.026
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.883.283.151	2.981.541.600
Các khoản tương đương tiền (*)	25.000.000.000	119.500.000.000
	<b>41.071.545.578</b>	<b>122.727.069.626</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 25.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 3,0%/năm - 4,0%/năm.

**4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>114.910.579.727</b>	-	<b>120.571.777.672</b>	-
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	108.501.529.551	-	80.226.802.672	-
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL - Chi nhánh Nhơn Trạch	6.393.793.120	-	14.095.950.000	-
Công ty TNHH Thép Vina Kyoiei	-	-	26.249.025.000	-
Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL	15.257.056	-	-	-
<b>Bên khác</b>	<b>49.231.290.451</b>	<b>(2.747.205.317)</b>	<b>2.752.495.786</b>	<b>(2.750.328.586)</b>
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Lợi My 2 (*)	2.747.205.317	(2.747.205.317)	2.750.328.586	(2.750.328.586)
Chip Mong Group Co.,Ltd	46.337.906.324	-	2.167.200	-
Các đối tượng khác	146.178.810	-	-	-
	<b>164.141.870.178</b>	<b>(2.747.205.317)</b>	<b>123.324.273.458</b>	<b>(2.750.328.586)</b>

(\*) Đây là khoản phải thu khó đòi từ Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Lợi My 2 ("Công ty Lợi My 2") từ năm 2013 căn cứ theo Hợp đồng mua bán thép số 53/VKC-KHKD và các hóa đơn chứng từ có liên quan. Trong quá trình thu hồi công nợ, Công ty không nhận được bất kỳ phản hồi nào về việc sẽ được thanh toán khoản phải thu tồn đọng này và Công ty Lợi My 2 có dấu hiệu bỏ trốn.

Ngày 06/06/2018, Công ty đã gửi đơn kiện Công ty Lợi My 2 tới Tòa án nhân dân Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Ngày 05/11/2019, Công ty đã nhận được Bản án số 26/2019/KDTM-ST từ Tòa án nhân dân Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ quyết định Công ty Lợi My 2 phải trả số tiền nợ cho Công ty.

Chi cục thi hành án dân sự Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ ra Quyết định thi hành án số 1164/QĐ-CCTHADS ngày 04/03/2020 buộc Công ty Lợi My 2 phải trả số tiền nêu trên cho Công ty. Đến thời điểm hiện tại, Công ty Lợi My 2 mới chỉ thanh toán 100.000.000 VND trong năm 2013 và 100.985.714 VND trong năm 2022. Trong năm, Công ty chưa nhận thêm được khoản thanh toán nào khác từ Công ty Lợi My 2.

**5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên khác</b>				
Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ Tài nguyên và Môi trường	-	-	81.000.000	-
Các đối tượng khác	74.310.000	-	74.010.000	-
	<b>74.310.000</b>	<b>-</b>	<b>155.010.000</b>	<b>-</b>

**6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Chi tiết theo nội dung</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi	46.849.316	-	277.771.232	-
Phải thu về BHXH, BHYT, BHTN	267.523.074	-	-	-
Tạm ứng	58.193.518	-	111.602.916	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	10.000.000	-
Phải thu khác	227.822.748	-	913.421.110	-
	<b>610.388.656</b>	<b>-</b>	<b>1.312.795.258</b>	<b>-</b>
<b>b) Chi tiết theo đối tượng</b>				
<b>Bên liên quan</b>	<b>623.237</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	623.237	-	-	-
<b>Bên khác</b>	<b>609.765.419</b>	<b>-</b>	<b>1.312.795.258</b>	<b>-</b>
Bảo hiểm xã hội TP. Hồ Chí Minh	267.523.074	-	-	-
Các đối tượng khác	342.242.345	-	1.312.795.258	-
	<b>610.388.656</b>	<b>-</b>	<b>1.312.795.258</b>	<b>-</b>

**7 . NỢ XẤU**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Lợi My 2	2.747.205.317	-	2.750.328.586	-
	<u>2.747.205.317</u>	<u>-</u>	<u>2.750.328.586</u>	<u>-</u>

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	53.787.494.858	-	50.174.054.308	-
Công cụ, dụng cụ	105.240.477	-	199.599.302	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở	42.972.296.905	-	19.536.536.273	-
Thành phẩm	51.861.952.307	(550.889.367)	94.794.407.657	(359.388.127)
	<u>148.726.984.547</u>	<u>(550.889.367)</u>	<u>164.704.597.540</u>	<u>(359.388.127)</u>

**9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>783.360.018</b>	<b>783.360.018</b>
Dự án di dời và xây dựng Nhà máy Thép Thủ Đức (*)	783.360.018	783.360.018
<b>Sửa chữa lớn tài sản cố định</b>	<b>344.469.174</b>	-
Sửa chữa hội trường Công ty	254.992.311	-
Hạng mục khác	89.476.863	-
	<u>1.127.829.192</u>	<u>783.360.018</u>

(\*) Đây là các chi phí tư vấn, thiết kế, viết báo cáo nghiên cứu khả thi, thẩm định dự án di dời nhà máy Thép Thủ Đức ra khỏi nội đô thành phố Hồ Chí Minh. (Chi tiết xem tại Thuyết minh số 33)

**10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	42.138.028.976	234.112.621.965	29.861.355.983	4.561.125.322	310.673.132.246
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>42.138.028.976</b>	<b>234.112.621.965</b>	<b>29.861.355.983</b>	<b>4.561.125.322</b>	<b>310.673.132.246</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	41.515.248.523	228.384.935.734	28.809.966.533	3.407.984.894	302.118.135.684
- Khấu hao trong năm	190.838.484	2.908.981.775	658.346.332	412.709.881	4.170.876.472
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>41.706.087.007</b>	<b>231.293.917.509</b>	<b>29.468.312.865</b>	<b>3.820.694.775</b>	<b>306.289.012.156</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	622.780.453	5.727.686.231	1.051.389.450	1.153.140.428	8.554.996.562
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>431.941.969</b>	<b>2.818.704.456</b>	<b>393.043.118</b>	<b>740.430.547</b>	<b>4.384.120.090</b>

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 291.985.026.153 VND.

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý: 122.113.393 VND.

**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình là Phần mềm quản lý với Nguyên giá và Hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2024 cùng là 300.000.000 VND. Chi phí khấu hao đã ghi nhận trong năm là 93.055.558 VND.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	988.520.906	3.066.361.799
Chi phí mua bảo hiểm	296.029.923	-
	<b>1.284.550.829</b>	<b>3.066.361.799</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	437.375.642	-
Chi phí thay thế và sửa chữa thiết bị	362.400.000	1.812.000.000
	<b>799.775.642</b>	<b>1.812.000.000</b>

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>4.025.696.091</b>	<b>4.025.696.091</b>	<b>2.035.037.544</b>	<b>2.035.037.544</b>
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	771.233.182	771.233.182	427.210.736	427.210.736
Công ty TNHH Nippovina	3.036.050.600	3.036.050.600	1.205.578.000	1.205.578.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	202.476.326	202.476.326	402.248.808	402.248.808
Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	2.435.983	2.435.983	-	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện Kim	13.500.000	13.500.000	-	-

**13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên khác</b>	<b>66.269.564.345</b>	<b>66.269.564.345</b>	<b>41.330.999.525</b>	<b>41.330.999.525</b>
Công ty TNHH MTV Sắt thép Trung Hà	2.860.140.800	2.860.140.800	11.581.138.800	11.581.138.800
Công ty TNHH Ninh Vũ Tường	8.796.515.750	8.796.515.750	1.857.438.000	1.857.438.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Tổng hợp Tiến Trường	17.494.500.100	17.494.500.100	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Phát triển Kim Ngân	8.852.133.400	8.852.133.400	2.541.536.800	2.541.536.800
Công ty TNHH Phế liệu Huy Hoàng Gia	7.294.118.700	7.294.118.700	-	-
Công ty TNHH Trung Thành Thái Nguyên	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Phát triển Tam Phát	-	-	4.733.440.800	4.733.440.800
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	368.025.095	368.025.095	3.160.043.484	3.160.043.484
Các đối tượng khác	20.604.130.500	20.604.130.500	12.457.401.641	12.457.401.641
	<b>70.295.260.436</b>	<b>70.295.260.436</b>	<b>43.366.037.069</b>	<b>43.366.037.069</b>

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số được giảm trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.905.028.216	7.361.624.846	9.266.653.062	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	611.360.870	611.360.870	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.195.671.425	266.606.078	1.263.511.425	-	-	198.766.078
Thuế Thu nhập cá nhân	-	151.649.000	2.150.741.850	2.299.090.850	-	-	3.300.000
Thuế Tài nguyên	-	166.320	1.538.880	1.586.480	-	-	118.720
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất (*)	-	-	12.029.616.789	8.449.404.335	3.580.212.454	-	-
Các loại thuế khác	-	-	104.821.056	104.821.056	-	-	-
	-	<b>3.252.514.961</b>	<b>22.526.310.369</b>	<b>21.996.428.078</b>	<b>3.580.212.454</b>	-	<b>202.184.798</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(\*) Công ty nộp tiền thuê đất theo Thông báo số 6090/TB-CTTPHCM ngày 04/04/2024 của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước và Thông báo nộp tiền số 14025/TB-CCTTPTĐ ngày 16/04/2024 của Chi cục Thuế Thành phố Thủ Đức.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí điện, nước, điện thoại	3.764.570.283	3.615.499.132
Nhập kho nguyên vật liệu chưa nhận được hóa đơn	543.585.000	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp trích trước	75.000.000	75.000.000
	<b>4.383.155.283</b>	<b>3.690.499.132</b>

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
<b>a.1) Chi tiết theo nội dung</b>		
Kinh phí công đoàn	198.984.561	190.809.121
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	510.368.080	214.127.230
Phải trả về thuế TNCN của CBCNV	102.902.100	91.625.900
Các khoản phải trả, phải nộp khác	549.597.648	311.136.785
	<b>1.361.852.389</b>	<b>807.699.036</b>
<b>a.2) Chi tiết theo đối tượng</b>		
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	-	272.059
Các đối tượng khác	1.361.852.389	807.426.977
	<b>1.361.852.389</b>	<b>807.699.036</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.048.000.000	1.048.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C (*)	50.000.000.000	50.000.000.000
	<b>51.048.000.000</b>	<b>51.048.000.000</b>
<b>c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan</b>		
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	-	272.059
	-	<b>272.059</b>

(\*) Theo thoả thuận hợp tác đầu tư phát triển dự án số 1064/TT-VKC ngày 29 tháng 9 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức – VNSTEEL và Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C (REFICO), hai bên thoả thuận xây dựng khu phức hợp thương mại, dịch vụ, văn phòng, chung cư và nhà biệt thự với diện tích xây dựng dự kiến là 6,3 ha tại Km9, Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi hoàn tất thủ tục liên quan đến việc Công ty di dời đến vị trí mới, hai bên sẽ thành lập một doanh nghiệp mới để triển khai thực hiện dự án, với tỷ lệ góp vốn như sau:

- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức – VNSTEEL: 26%
- Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C (REFICO): 74%

Vốn điều lệ ban đầu của doanh nghiệp mới là 30 tỷ VND, sẽ được lần lượt tăng lên 670 tỷ VND theo từng giai đoạn. Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức – VNSTEEL sẽ chuyển nhượng 26% vốn góp cho Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C (REFICO) trong vòng 3 ngày kể từ ngày REFICO nhận được quyết định giao đất từ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện triển khai dự án, REFICO sẽ thanh toán cho Công ty 110 tỷ VND để đền bù giá trị khu đất. Trong vòng 7 ngày kể từ ngày ký thoả thuận, REFICO sẽ đặt cọc 50 tỷ VND để đảm bảo thực hiện thoả thuận. Ngoại trừ các trường hợp bất khả kháng, nếu Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C (REFICO) không thực hiện thoả thuận sẽ phải hoàn trả toàn bộ khoản tiền đã nhận, đồng thời bồi thường một khoản tiền tương đương với số tiền đã nhận. Tương tự, nếu Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức VNSTEEL không thực hiện đúng thoả thuận sẽ phải hoàn trả toàn bộ khoản tiền đã nhận, đồng thời bồi thường một khoản tiền tương đương với số tiền đã nhận.

Ngày 09 tháng 07 năm 2019, REFICO gửi Công văn số 04/2019/CV-REFICO xác nhận hai bên sẽ tạm dừng hợp tác do quy định của Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ liên quan đến việc di dời các cơ sở không phù hợp quy hoạch xây dựng đô thị đã chấm dứt hiệu lực của thoả thuận. Đồng thời REFICO cũng xác nhận khi Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL hoàn trả số tiền cọc Công ty không cần thanh toán tiền phạt cũng như lãi suất phát sinh. Khi công ty chưa hoàn trả tiền cọc, REFICO sẽ được ưu tiên hợp tác với Công ty để hợp tác đầu tư và phát triển dự án bất động sản trên khu đất của Công ty hiện tại.

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	122.253.930.000	17.708.334.281	26.752.106.672	124.413.489.548	291.127.860.501
Lãi trong năm trước	-	-	-	8.608.545.087	8.608.545.087
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>122.253.930.000</b>	<b>17.708.334.281</b>	<b>26.752.106.672</b>	<b>133.022.034.635</b>	<b>299.736.405.588</b>
Số dư đầu năm nay	122.253.930.000	17.708.334.281	26.752.106.672	133.022.034.635	299.736.405.588
Lãi trong năm nay	-	-	-	519.951.236	519.951.236
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành (*)	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(85.577.751.000)	(85.577.751.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>122.253.930.000</b>	<b>17.708.334.281</b>	<b>26.752.106.672</b>	<b>45.964.234.871</b>	<b>212.678.605.824</b>

(\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 178/NQ-ĐHCD ngày 15 tháng 04 năm 2024 và Thông báo số 1429/2024-TDS/VSCD-ĐK ngày 02/07/2024 của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh về danh sách chốt quyền nhận cổ tức tại ngày 28/06/2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận các năm trước như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận chưa phân phối đến 31/12/2023	100,00	133.022.034.635
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,50	2.000.000.000
Chia trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 7.000 VND)	64,33	85.577.751.000
Lợi nhuận chưa phân phối	34,16	45.444.283.635

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	65,00	79.465.100.000	65,00	79.465.100.000
Công ty Cổ phần Gemadept	6,94	8.490.000.000	10,90	13.321.950.000
Ông Lê Bá Phương	7,02	8.576.740.000	7,02	8.576.740.000
Các cổ đông khác	21,04	25.722.090.000	17,08	20.890.140.000
	<b>100</b>	<b>122.253.930.000</b>	<b>100</b>	<b>122.253.930.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	122.253.930.000	122.253.930.000
- Vốn góp cuối năm	122.253.930.000	122.253.930.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	214.127.230	269.801.980
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	85.577.751.000	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	85.577.751.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(85.281.510.150)	(55.674.750)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(85.281.510.150)	(55.674.750)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<b>510.368.080</b>	<b>214.127.230</b>

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.225.393	12.225.393
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	12.225.393	12.225.393
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	12.225.393	12.225.393
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	26.752.106.672	26.752.106.672
	<u>26.752.106.672</u>	<u>26.752.106.672</u>

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại đường Nguyễn Văn Bá, phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm xưởng sản xuất thép, nhà kho và phòng làm việc; diện tích khu đất thuê là 67.045 m<sup>2</sup>. Theo thông báo đóng tiền thuê đất, thời hạn thuê đất là ngắn hạn hàng năm cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch và Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước. (Thông tin chi tiết xem thêm tại Thuyết minh số 33).

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
Đồng đô la Mỹ (USD)	359.818,77	8.706,66

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	1.477.722.434.048	1.368.909.082.613
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.810.543.769	29.219.641.812
	<u>1.502.532.977.817</u>	<u>1.398.128.724.425</u>
<b>Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 35)	<u>1.291.879.307.716</u>	<u>1.337.715.011.072</u>

20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	4.502.496.643	1.819.823.262
Hàng bán bị trả lại	1.448.875.000	-
	<u>5.951.371.643</u>	<u>1.819.823.262</u>
<b>Trong đó: Các khoản giảm trừ đối với các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 35)	<u>5.951.371.643</u>	<u>1.819.823.262</u>

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.436.898.816.298	1.324.134.978.408
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	19.489.343.050	24.156.967.661
Dự phòng/ (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	191.501.240	(238.926.018)
	<u>1.456.579.660.588</u>	<u>1.348.053.020.051</u>
<b>Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 35)	<u>38.630.900.050</u>	<u>21.129.523.868</u>

**22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.861.052.004	1.808.041.798
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	147.108.104	304.998.763
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.858.687.730	80.876.640
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	110.886.542	5.869.818
	<b>4.977.734.380</b>	<b>2.199.787.019</b>
<b>Trong đó: Nhận từ các bên liên quan</b>	<b>58.970.762</b>	<b>39.030.551</b>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 35)</i>		

**23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	130.781	962.151.088
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	9.397.474	4.738.048
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	134.562.574	73.341.339
	<b>144.090.829</b>	<b>1.040.230.475</b>
<b>Trong đó: Chi trả cho các bên liên quan</b>	<b>9.397.474</b>	<b>4.738.048</b>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 35)</i>		

**24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.515.931.082	5.845.539.027
Chi phí khác bằng tiền	4.741.940.268	3.436.513.496
	<b>12.257.871.350</b>	<b>9.282.052.523</b>
<b>Trong đó: Chi phí mua từ các bên liên quan</b>	<b>7.389.108.207</b>	<b>4.775.997.994</b>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 35)</i>		

**25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.102.736.824	1.460.137.884
Chi phí nhân công	14.950.046.520	13.278.326.536
Chi phí khấu hao tài sản cố định	501.360.644	535.467.444
Hoàn nhập dự phòng	(3.123.269)	(2.039.297.064)
Thuế, phí và lệ phí	12.051.227.731	12.100.660.716
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.024.327.033	885.190.690
Chi phí khác bằng tiền	5.936.480.388	4.675.025.865
	<b>35.563.055.871</b>	<b>30.895.512.071</b>

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	36.000.000
Thu nhập từ tiền thuê đất được giảm (*)	3.580.212.454	2.192.507.771
Thu nhập khác	296.624.000	-
	<b>3.876.836.454</b>	<b>2.228.507.771</b>

(\*) Theo Thông báo số 39/QĐ-CTTPHCM ngày 08/01/2024, Công ty được giảm tiền thuê đất năm 2023 theo Quyết định số 25/2023/QĐ-TTg ngày 03/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Các khoản bị phạt	101.821.056	542.615.625
Chi phí khác	3.120.000	13.702.000
	<b>104.941.056</b>	<b>556.317.625</b>

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	786.557.314	10.910.063.208
Các khoản điều chỉnh tăng	318.167.407	674.615.625
- Chi phí không hợp lệ	186.159.619	542.615.625
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	7.788	-
- Thù lao HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	132.000.000	132.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(110.894.330)	(4.747.234.443)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(110.894.330)	(5.869.818)
- Chi trợ cấp thôi việc	-	(1.700.849.150)
- Chi phí lãi vay không được trừ năm trước	-	(3.040.515.475)
Thu nhập chịu thuế TNDN	993.830.391	6.837.444.390
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>198.766.078</b>	<b>1.367.488.878</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	67.840.000	934.029.243
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.195.671.425	(938.095.630)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(1.263.511.425)	(167.751.066)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>198.766.078</b>	<b>1.195.671.425</b>

**29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	519.951.236	8.608.545.087
Các khoản điều chỉnh	(64.993.905)	(1.578.807.169)
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành</i>	(64.993.905)	(1.578.807.169)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	454.957.331	7.029.737.918
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.225.393	12.225.393
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>37</b>	<b>575</b>

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 178/NQ-ĐHCĐ ngày 15/04/2024, Công ty dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng ban điều hành theo tỷ lệ 12,5% Lợi nhuận sau thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.204.637.209.401	1.158.660.952.097
Chi phí nhân công	75.566.844.501	68.583.670.639
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.263.932.030	6.477.031.350
Chi phí dịch vụ mua ngoài	138.501.835.805	112.524.995.262
Chi phí khác bằng tiền	26.435.239.618	29.038.557.441
Chi phí dự phòng	-	(2.039.297.064)
	<b>1.449.405.061.355</b>	<b>1.373.245.909.725</b>

**31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị...

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.883.283.151	-	-	40.883.283.151
Phải thu khách hàng, phải thu khác	162.005.053.517	-	-	162.005.053.517
	<u>202.888.336.668</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>202.888.336.668</u>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	122.481.541.600	-	-	122.481.541.600
Phải thu khách hàng, phải thu khác	121.886.740.130	-	-	121.886.740.130
	<u>244.368.281.730</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>244.368.281.730</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	71.657.112.825	51.048.000.000	-	122.705.112.825
Chi phí phải trả	4.383.155.283	-	-	4.383.155.283
	<u>76.040.268.108</u>	<u>51.048.000.000</u>	<u>-</u>	<u>127.088.268.108</u>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	44.173.736.105	51.048.000.000	-	95.221.736.105
Chi phí phải trả	3.690.499.132	-	-	3.690.499.132
	<u>47.864.235.237</u>	<u>51.048.000.000</u>	<u>-</u>	<u>98.912.235.237</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**32 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a) <b>Số tiền đi vay thực thu trong năm</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.060.778.400	154.443.478.151
b) <b>Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.060.778.400	154.443.478.151

**33 . THÔNG TIN KHÁC**

Ngày 13 tháng 09 năm 2017, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 4898/QĐ-UBND phê duyệt danh mục các cơ sở phải di dời do không phù hợp quy hoạch xây dựng đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh - đợt 2, trong đó nêu rõ cơ sở sản xuất của công ty tại Km9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ phải hoàn thành di dời vào quý IV/2019.

Để chuẩn bị cho công tác di dời, Công ty đã lên kế hoạch di dời về Khu công nghiệp Hiệp Phước 2, Huyện Nhà Bè. Tổng chi phí di dời dự tính khoảng 960 tỷ VND và đã được Đại hội cổ đông Công ty phê duyệt chủ trương phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ. Ngày 19 tháng 01 năm 2018, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Văn bản số 288/UBND-KT chấp thuận cho Công ty được di dời nhà máy về Khu công nghiệp Hiệp Phước 2, Huyện Nhà Bè.

Tuy nhiên, khi có ý kiến của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) về việc dừng di dời dây chuyền luyện cán thép của Công ty và đánh giá về hiệu quả của việc di dời về Khu Công nghiệp Hiệp Phước 2, Huyện Nhà Bè, Tổng Công ty Thép Việt Nam – Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty") đã ban hành Quyết định số 580/VNS-HĐQT ngày 24/06/2019 về việc yêu cầu Công ty dừng việc thực hiện di dời nhà máy về Khu công nghiệp Hiệp Phước 2, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Để đảm bảo có thời gian xây dựng lại kế hoạch di dời theo chỉ đạo của Tổng Công ty, các bên đã:

- Công ty đã gửi Công văn số 551/VKC-KT ngày 15/07/2019 cho Sở Tài nguyên và Môi trường kiến nghị tạo điều kiện cho Công ty gia hạn tiếp tục thuê đất tại vị trí hiện tại trong thời gian 02 đến 03 năm tiếp theo để có đủ thời gian lập và triển khai dự án.
- Công ty đã gửi Công văn số 591/VKC-KT ngày 31/07/2019 cho Tổng Công ty và Ban đầu tư của Tổng Công ty đề nghị Tổng Công ty có văn bản gửi Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc dừng không thực hiện di dời về Khu công nghiệp Hiệp Phước 2 và cho Công ty có thời gian để triển khai kế hoạch di dời cũng như đảm bảo việc thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Tổng Công ty đã gửi Báo cáo số 748/BC-VNS ngày 12/09/2019 cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) và đề xuất SCIC có kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận cho phép Công ty được gia hạn ký hợp đồng thuê đất đến hết năm 2022 để có thời gian triển khai kế hoạch di dời nhà máy về địa điểm mới và đảm bảo công ăn việc làm cho gần 400 lao động.
- Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) có Công văn số 1869/ĐTKD – ĐT4 ngày 12/09/2019 về việc đề nghị gia hạn hợp đồng thuê đất cho Công ty gửi Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Công ty gửi Công văn số 773/VKC-KT ngày 11/11/2019 cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban nhân dân, Sở Tài Nguyên và Môi trường sớm phê duyệt cho Công ty tiếp tục ký hợp đồng thuê đất gia hạn đến hết năm 2022. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn chưa nhận được công văn chấp thuận của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.
- Công ty gửi Công văn số 594/CV-VKC ngày 24/08/2022 cho Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cam kết sẽ di dời khi nhận được Công văn xác định cụ thể thời điểm di dời của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Công văn số 1132/VNS-TCKT ngày 20/12/2023 của Tổng Công ty Thép – CTCP về việc cam kết hỗ trợ tài chính và hỗ trợ hoạt động cho Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức tiếp tục hoạt động trong vòng ít nhất 01 năm từ ngày Báo cáo tài chính năm 2023 (đã được kiểm toán) phát hành, Tổng Công ty vẫn đang theo sát và sẽ có những chỉ đạo cần thiết cho hoạt động SXKD của Công ty trong các năm tới.

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh có Công văn số 095/CN1-KHDNL ngày 19/01/2022 về việc xem xét tài trợ tín dụng cho Công ty thực hiện dự án đầu tư với số tiền tài trợ tối đa 70% tổng mức đầu tư của dự án (dự kiến số tài trợ là 511 tỷ VND).

Hiện tại, Công ty đang nghiên cứu xem xét địa điểm để di dời nhà máy.

#### 34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

#### 35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vingal - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tôn mạ VNSTEEL Thăng Long	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thép Tấm Miền Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Cung ứng Nhân lực và Dịch vụ - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH Vận tải ô tô Vina Vinatrans	Công ty con của Tập đoàn
Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tân Thành Mỹ	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Nippovina	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Tôn Phương Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Gia công và Dịch vụ Thép Sài Gòn	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Ống thép Việt Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống nhất	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Cơ khí Việt Nhật	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Nasteelvina	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Thép Vinakyoei	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Trung tâm Thương mại Quốc tế IBC	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Liên doanh Sản xuất Thép Vinausteel	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Khoáng sản Luyện kim Việt Trung	Công ty liên kết của Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần RedstarCera	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật	Công ty liên kết của Tập đoàn
Công ty TNHH Agility	Công ty liên kết của Tập đoàn
Công ty TNHH Nissin Logistics	Công ty liên kết của Tập đoàn
Công ty TNHH Lotte Vinatrans Global Logistics (Việt Nam)	Công ty liên kết của Tập đoàn
Công ty Cổ phần Luyện cán thép Gia Sàng	Công ty liên kết của Tập đoàn

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.291.879.307.716</b>	<b>1.337.715.011.072</b>
Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh	12.850.749.000	-
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	185.084.251.895	115.080.016.834
Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL	220.977.568	102.294.078
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	876.091.059.253	1.123.059.167.468
Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	-	1.080.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	-	27.204.692
Công ty TNHH Thép Vinakyoei	138.482.194.000	99.445.248.000
Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	79.150.076.000	-
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>5.951.371.643</b>	<b>1.819.823.262</b>
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	4.502.496.643	1.819.823.262
Công ty TNHH Thép Vinakyoei	1.448.875.000	-
<b>Mua hàng hóa, vật tư, dịch vụ</b>	<b>38.630.900.050</b>	<b>21.129.523.868</b>
Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh	12.471.627.458	497.114.346
Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL	5.388.348	-
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	950.311.400	546.921.040
Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	50.215.594	64.779.982
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	700.880.000	322.240.000
Công ty TNHH Nippovina	24.452.477.250	19.698.468.500
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>58.970.762</b>	<b>39.030.551</b>
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	42.312.526	-
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	16.658.236	39.030.551
<b>Chi phí tài chính</b>	<b>9.397.474</b>	<b>4.738.048</b>
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	9.397.474	4.738.048
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>7.389.108.207</b>	<b>4.775.997.994</b>
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	41.049.855	-
Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL	83.982.228	44.537.680
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	2.320.076.105	1.294.946.820
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	4.944.000.019	3.436.513.494

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
<b>Thu nhập, thù lao của người quản lý chủ chốt</b>	<b>4.641.245.000</b>	<b>4.022.460.000</b>
Ông Dương Minh Chính Chủ tịch HĐQT	725.680.000	671.515.000
Ông Lê Bá Phương Thành viên HĐQT	58.000.000	48.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai Khanh Thành viên HĐQT	58.000.000	48.000.000
Ông Hoàng Đức Hoa Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	346.100.000	-
(Bổ nhiệm từ 15/04/2024)		
Ông Nguyễn Xuân Tiến Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	392.700.000	651.200.000
(Miễn nhiệm từ 15/04/2024)		
Ông Cao Anh Kiệt Thành viên HĐQT	560.020.000	519.860.000
Ông Vũ Xuân Trường Phó Tổng Giám đốc	592.220.000	455.336.000
(Bổ nhiệm từ 01/08/2023)		
Ông Hoàng Công Thành Phó Tổng Giám đốc	563.420.000	519.860.000
Ông Đặng Công An Phụ trách Phòng Tài chính Kế toán	105.435.000	-
(Bổ nhiệm từ 16/09/2024)		
Bà Đỗ Thị Long Châu Kế toán trưởng	453.720.000	487.045.000
(Miễn nhiệm từ 16/09/2024)		
Bà Đoàn Hồng Hà Trưởng ban kiểm soát	392.460.000	291.537.000
Ông Nguyễn Quốc Cường Thành viên BKS	354.490.000	294.107.000
Ông Trần Minh Hạnh Thành viên BKS	39.000.000	36.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

### 36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

  
Đỗ Thị Quế Nga  
Người lập

  
Đặng Công An  
Phụ trách Phòng Tài chính Kế  
toán

  
Hoàng Đức Hoa  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2025

